

MỤC LỤC

Kịch bản chương trình	1
Vai trò của Bộ Tư pháp trong giải quyết tranh chấp của doanh nghiệp vừa và nhỏ	3
<i>Nguyễn Đức Kiên</i>	
Một số vấn đề lưu ý cho doanh nghiệp trong quá trình giải quyết tranh chấp hợp đồng tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC)	11
<i>Vũ Thị Hằng</i>	
Nghị quyết số 105/NQ-CP của Chính phủ: phát huy vai trò hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp của Bộ Tư pháp, giải quyết tranh chấp trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp trong bối cảnh dịch COVID-19	35
<i>Trần Minh Sơn</i>	
Thực tiễn công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp của Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam và những kiến nghị đề xuất để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp giai đoạn 2021 – 2025	44
<i>Lê Anh Văn</i>	
Phụ lục: Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 09/9/2021 của Chính phủ về hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong bối cảnh dịch Covid-19	53

BỘ TƯ PHÁP
CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ PHÁP LÝ LIÊN NGÀNH
CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA
GIAI ĐOẠN 2021-2025

DIỄN ĐÀN TĂNG CƯỜNG TRIỂN KHAI CÁC GIẢI PHÁP
HỖ TRỢ PHÁP LÝ, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP LIÊN QUAN ĐẾN
HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP
TRONG BỐI CẢNH DỊCH COVID-19

Thời gian: 13h30 ngày 12 tháng 11 năm 2021 (thứ sáu).

Địa điểm:

- Tham dự trực tiếp: Hội trường tầng 2 Nhà khách Trung ương, số 8 Chu Văn An, Ba Đình, Hà Nội.

- Tham dự trực tuyến: Qua phần mềm Zoom theo địa chỉ:

<https://zoom.us/j/97775134650?pwd=RHhnQzk0MnZFVnZ3ODJURXBSSDhvQT09>

ID cuộc họp: 977 7513 4650

Mật mã: 121112

Thời gian	Nội dung	Người thực hiện
13h30–14h00	Đăng ký đại biểu	Ban Tổ chức
14h00–14h05	Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu và mục đích của diễn đàn	Ban Tổ chức
14h05–14h20	Phát biểu khai mạc và chủ trì	TS. Nguyễn Thanh Tú, Vụ trưởng Vụ Pháp luật dân sự - kinh tế (Bộ Tư pháp); Phó Trưởng Ban Quản lý Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2021-2025 (Chương trình HTPLLN).
Chuyên gia trình bày tham luận		
14h20–14h50	Vai trò của Bộ Tư pháp trong giải quyết tranh chấp của doanh nghiệp vừa và nhỏ.	Ông Nguyễn Đức Kiên, Phó Vụ trưởng Vụ Pháp luật quốc tế (Bộ Tư pháp); Thành viên Ban Quản lý Chương trình HTPLLN.

14h50–15h15	Một số vấn đề lưu ý cho doanh nghiệp trong quá trình giải quyết tranh chấp hợp đồng tại Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC)	Bà Vũ Thị Hằng, Trưởng phòng Ban Thư ký Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC)
15h15–15h35	Nghị quyết số 105/NQ-CP của Chính phủ: phát huy vai trò hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp của Bộ Tư pháp, giải quyết tranh chấp trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp trong bối cảnh dịch COVID-19.	TS. Trần Minh Sơn, Trưởng Văn phòng Chương trình HTPLLN.
15h35–16h00	Thực tiễn công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp của Hiệp hội DNNVV Việt Nam và những kiến nghị đề xuất để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp giai đoạn 2021 – 2025	Luật sư Lê Anh Văn, Giám đốc Trung tâm hỗ trợ pháp luật và phát triển nguồn nhân lực, Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam.
16h00–16h20	Trao đổi, thảo luận với các đại biểu	TS. Nguyễn Thanh Tú
16h20-16h30	Kết luận và bế mạc diễn đàn	TS. Nguyễn Thanh Tú

VAI TRÒ CỦA BỘ TƯ PHÁP TRONG GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP CỦA DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

Nguyễn Đức Kiên

Phó Vụ trưởng

VỤ PHÁP LUẬT QUỐC TẾ

BỘ TƯ PHÁP

TỔNG QUAN

- ▶ Chức năng, nhiệm vụ của BTP trong giải quyết tranh chấp:
- ▶ Theo Nghị định 96/2017/NĐ-CP về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và các văn bản liên quan thể hiện 5 lĩnh vực chính:
- ▶ 1. Đại diện pháp lý cho Chính phủ và (trong một số trường hợp) Cơ quan chủ trì giải quyết các tranh chấp đầu tư quốc tế
- ▶ 2. Thực hiện tương trợ tư pháp về dân sự đối với các vụ việc dân sự giải quyết tại tòa án

TỔNG QUAN

- ▶ 3. Công nhận và thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài
- ▶ 4. Tham gia xây dựng thể chế về giải quyết tranh chấp
- ▶ 5. Tham gia giải quyết các khó khăn, vướng mắc, bất cập tiền tranh chấp của doanh nghiệp

1. Giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế

- ▶ Chỉ thị số 27/2020/QĐ-TTg ngày 10/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản lý nhà nước về đầu tư và phòng ngừa việc phát sinh các vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế đã nhận định:
- ▶ Cộng đồng quốc tế cũng có những lo ngại về những sự phát triển này và có những phản ứng khác nhau, kể cả cải tổ các cơ chế giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế
- ▶ Uncitral Nhóm III (third party funding, security for cost..)

Chỉ thị 27

- ▶ Kinh nghiệm giải quyết các tranh chấp đầu tư quốc tế đến nay, khi bị khởi kiện, Chính phủ, cơ quan nhà nước **buộc phải** tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích của Chính phủ, cơ quan nhà nước
- ▶ Nếu không tham gia thì sao? Suy đoán bất lợi?
- ▶ Trung bình, mỗi vụ tranh chấp như vậy kéo dài khoảng 2 năm, với chi phí hàng triệu đô la Mỹ, chưa kể thời gian, công sức của các cán bộ, công chức nhà nước tham gia vào công tác này. Đặc biệt, khi thua thì Chính phủ, cơ quan nhà nước phải bồi thường khoản tiền lớn. Do vậy, tăng cường công tác quản lý nhà nước về đầu tư nước ngoài trong tình hình mới và phòng ngừa, giảm thiểu các tranh chấp đầu tư quốc tế luôn là ưu tiên hàng đầu của Chính phủ các nước.

Chỉ thị 27

- ▶ Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương:
- ▶ – Chủ động, tích cực tham gia đàm phán, hoàn thiện các cơ chế giải quyết tranh chấp giữa Nhà nước và nhà đầu tư trong khuôn khổ Ủy ban của Liên Hiệp Quốc về Luật Thương mại Quốc tế (UNCITRAL) phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh Việt Nam.
- ▶ Kiểm tra, rà soát các văn bản về ưu đãi đầu tư của các bộ, ngành và địa phương, đề xuất phương án xử lý phù hợp.

Quyết định 14/2020/QĐ-TTg

- ▶ Ban hành Quy chế phối hợp giải quyết tranh chấp
- ▶ Điều 5. Cơ quan chủ trì
- ▶ 1. Cơ quan chủ trì là bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) có biện pháp bị kiện hoặc đe dọa bị kiện, trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này.
- ▶ “Biện pháp bị kiện là việc làm, quyết định hoặc biện pháp của cơ quan nhà nước mà nhà đầu tư nước ngoài cho rằng vi phạm hiệp định đầu tư, hợp đồng, thỏa thuận”

Quyết định 14

- ▶ 2. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì đàm phán, ký hoặc thay mặt Nhà nước, Chính phủ Việt Nam ký hợp đồng, thỏa thuận, cam kết với nhà đầu tư nước ngoài là cơ quan chủ trì giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế phát sinh trên cơ sở hợp đồng, thỏa thuận, cam kết đó.
- ▶ Bộ CT, Bộ GTVT... (BOT)

Quyết định 14

- ▶ 3. Bộ Tài chính là cơ quan chủ trì giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế phát sinh khi nhà đầu tư nước ngoài kiện Nhà nước, Chính phủ Việt Nam liên quan đến khoản vay, nợ của Chính phủ hoặc khoản vay, nợ được Chính phủ bảo lãnh theo quy định của pháp luật quản lý nợ công; tranh chấp đầu tư quốc tế liên quan đến việc áp dụng pháp luật về tài chính, thuế.
- ▶ 4. Trong trường hợp tranh chấp đầu tư quốc tế phức tạp có ảnh hưởng nghiêm trọng đến quan hệ đối ngoại, an ninh hoặc quốc phòng, Bộ Tư pháp báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định cơ quan chủ trì.

Quyết định 14

- ▶ Quyết định 04 trước đây: “Bộ Tư pháp là Cơ quan chủ trì giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế phát sinh khi Nhà đầu tư nước ngoài kiện Chính phủ Việt Nam trên cơ sở hiệp định bảo hộ đầu tư theo Điểm a Khoản 1 Điều 2 Quy chế này”.
- ▶ Cơ chế chủ trì:
- ▶ Ưu điểm?
- ▶ Nhược điểm?

2. Thực hiện tương trợ tư pháp về dân sự

- ▶ Bộ luật TTDS 2015 dành Phần thứ tám quy định thủ tục giải quyết các vụ việc có yếu tố nước ngoài
- ▶ Luật Tương trợ tư pháp 2007 dành Chương II quy định về TTTP về dân sự
- ▶ Điều 62: BTP làm đầu mối tiếp nhận, chuyển giao, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các TTTP về dân sự

2. Thực hiện tương trợ tư pháp về dân sự

- ▶ –Việc lập hồ sơ, trình tự, thủ tục UTTP quy định tại Điều 11–15 Luật
- ▶ Nghị định 92/2008/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật TTTP quy định rõ vai trò BTP trong UTTP
- ▶ Thông tư liên tịch 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC quy định chi tiết về thẩm quyền, trình tự thủ tục thực hiện yêu cầu TTTP về dân sự: BTP: đầu mối tiếp nhận cả UTTP vào VN và ra nước ngoài

2. Thực hiện tương trợ tư pháp về dân sự

- ▶ BTP là Cơ quan trung ương của:
- ▶ Công ước Tổng đạt ra nước ngoài giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp trong lĩnh vực dân sự và thương mại: có hiệu lực với VN từ 01/10/2016 gồm 01 kênh chính tổng đạt qua Cơ quan TW (BTP) và 6 kênh thay thế
- ▶ Công ước Thu thập chứng cứ ở nước ngoài trong lĩnh vực dân sự và thương mại: có hiệu lực với VN vào 3/5/2020
- ▶ Gửi các yêu cầu tổng đạt và thu thập chứng cứ thông qua BTP

3. Công nhận và thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài

- ▶ BTP là Cơ quan đầu mối thực hiện Công ước New York năm 1958 của LHQ về *công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài*
- ▶ Trước đây, BTP trực tiếp tiếp nhận và xử lý hồ sơ công nhận phán quyết TTNN nhưng từ khi Bộ luật TTDS năm 2015, BTP không thực hiện vai trò này nữa
- ▶ Tham gia Nhóm Công tác số II của UNCITRAL về trọng tài và hòa giải

4. Tham gia xây dựng thể chế về giải quyết tranh chấp

- ▶ Thẩm định các văn bản quy phạm pháp luật về giải quyết tranh chấp như BL TTDS 2015, Luật Trọng tài thương mại.v.v...

5. Tham gia giải quyết các vướng mắc tiền tranh chấp

- ▶ Tham gia giải quyết các khó khăn, vướng mắc, bất cập tiền tranh chấp của doanh nghiệp
- ▶ Câu lạc bộ pháp chế doanh nghiệp
- ▶ Trân trọng cảm ơn.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LƯU Ý CHO DOANH NGHIỆP TRONG QUÁ TRÌNH GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TẠI TRUNG TÂM TRỌNG TÀI QUỐC TẾ VIỆT NAM (VIAC)

Vũ Thị Hằng¹

I. TỔNG QUAN VỀ TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ VÀ VIAC

1. Trọng tài thương mại quốc tế

1.1. Định nghĩa trọng tài thương mại quốc tế

Các hình thức giải quyết tranh chấp kinh tế được quy định rộng rãi trong nhiều văn bản pháp luật. Trong đó, phương thức trọng tài chủ yếu được sử dụng để giải quyết tranh chấp trong các lĩnh vực thương mại và đầu tư. Trong đó, các vụ việc được giải quyết bằng trọng tài tập trung chủ yếu vào lĩnh vực thương mại.

Trọng tài (Arbitration) và cụ thể hơn là trọng tài thương mại (Commercial Arbitration) là phương thức giải quyết tranh chấp. Tranh chấp ở đây là các tranh chấp kinh doanh, thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết bằng trọng tài theo quy định tại Điều 2 Luật Trọng tài thương mại 2010. Trọng tài do các bên thỏa thuận, có thể được sử dụng thay thế cho phương thức giải quyết tranh chấp truyền thống bằng Tòa án².

Trọng tài là phương thức giải quyết tranh chấp với thủ tục không quá phức tạp. Các bên trong tranh chấp thỏa thuận đưa tranh chấp của họ tới một chủ thể để giải quyết mà các bên tin tưởng sự phán xét của chủ thể đó. Mỗi bên trình bày vụ việc của mình cho người ra quyết định, một chủ thể tư - còn được gọi là "*trọng tài viên*". Trọng tài viên lắng nghe các bên, xem xét các tình tiết và lập luận của các bên và đưa ra quyết định. Quyết định đó có tính chất chung thẩm và ràng buộc các bên. Sở dĩ quyết định mang tính chung thẩm và ràng buộc bởi vì các bên đã tự thỏa thuận như vậy, chứ không bị cưỡng chế bởi bất kỳ nhà nước nào.

Trọng tài thương mại có nhiều ưu điểm như thủ tục đơn giản, linh hoạt theo thỏa thuận của các bên giúp giải quyết tranh chấp nhanh chóng. Giải quyết tranh

¹ Trưởng phòng Ban thư ký Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam.

² VIAC, *Trọng tài thương mại*, <https://www.viac.vn/thu-tuc-trong-tai/trong-tai-thuong-mai-a43.html>

chấp bằng trọng tài không công khai giúp Doanh nghiệp giữ bí mật được các thông tin tranh chấp có thể gây ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

Nói ngắn gọn, trọng tài là phương thức hiệu quả để đi đến một quyết định có giá trị chung thẩm và ràng buộc các bên tranh chấp mà không cần đưa ra tòa án. Pháp luật trọng tài quốc gia và các điều ước quốc tế như Công ước New York đã thừa nhận các phán quyết trọng tài sẽ được tòa án cho thi hành một cách rộng rãi nếu bên thua kiện không tự nguyện thi hành.

1.2. Hình thức của trọng tài thương mại quốc tế

Hiện nay, trên thế giới tồn tại nhiều quy định khác nhau, nhiều quan niệm khác nhau về hình thức trọng tài. Luật Mẫu đưa ra khái niệm trọng tài rất mở *“Trọng tài nghĩa là mọi hình thức trọng tài có hoặc không có sự giám sát của một tổ chức trọng tài thường trực”*. (Điều 2.a)³. Tuy nhiên, các hình thức trọng tài phổ biến nhất đang tồn tại đó là hình thức trọng tài vụ việc và trọng tài quy chế.

Về cơ bản, hầu hết các quốc gia trên thế giới đều thừa nhận cả hai hình thức trọng tài vụ việc và quy chế. Luật Trọng tài Thương mại Việt Nam cũng thừa nhận cả hai hình thức trọng tài này: *“Trọng tài quy chế là hình thức giải quyết tranh chấp tại một Trung tâm trọng tài theo quy định của Luật này và quy tắc tổ tụng của Trung tâm trọng tài đó; Trọng tài vụ việc là hình thức giải quyết tranh chấp theo quy định của Luật này và trình tự, thủ tục do các bên thỏa thuận.”* (Điều 3). Cá biệt, có một số rất ít quốc gia, ví dụ Trung Quốc, chỉ thừa nhận trọng tài quy chế, không thừa nhận trọng tài vụ việc. Trọng tài quy chế và trọng tài vụ việc là những phương pháp khác biệt của quá trình tố tụng. Các bên trong trọng tài vụ việc thiết lập quy tắc tố tụng riêng mà họ cho là có thể phù hợp với diễn biến và sự việc của vụ tranh chấp, trong khi đó các bên trong trọng tài quy chế phải tiến hành trọng tài theo các trình tự của tổ chức trọng tài mà các bên lựa chọn.

³ UNCITRAL Model Law on International Commercial Arbitration (1985), with amendments as adopted in 2006, https://uncitral.un.org/sites/uncitral.un.org/files/media-documents/uncitral/en/19-09955_e_ebook.pdf

a. Trọng tài vụ việc (ad hoc)

Trong trọng tài vụ việc, các bên tự chịu trách nhiệm thành lập hội đồng trọng tài để giải quyết tranh chấp và phải quy định các quy tắc sẽ điều chỉnh cách thức tiến hành tố tụng trọng tài. Khi gặp khó khăn, đôi khi các bên có thể nhờ một tòa án quốc gia có thẩm quyền can thiệp. Bởi các bên tự tiến hành trọng tài vụ việc nên họ phải thỏa thuận trực tiếp vấn đề thù lao và chi phí với trọng tài viên. Các bên lựa chọn trọng tài ad hoc có thể xây dựng quy tắc tố tụng của riêng họ (miễn là các quy tắc đó đối xử với các bên một cách công bằng và trao cho mỗi bên cơ hội đầy đủ để chứng minh quyền lợi của mình). Các bên có thể lựa chọn, và thông thường, có thể thống nhất rằng quá trình tố tụng trọng tài sẽ được thiết lập mà không liên quan tới một trung tâm trọng tài nào, tuy nhiên vẫn dựa trên những quy tắc có sẵn, như quy tắc UNCITRAL, cung cấp cho hội đồng trọng tài và các bên những quy định khung hợp lý mà họ có thể bổ sung thêm bất cứ điều khoản nào họ muốn - ví dụ những quy định về đệ trình bản tóm tắt quan điểm tiền tố tụng hoặc bản thỏa thuận về báo cáo của chuyên gia.

b. Trọng tài quy chế

Trọng tài quy chế là trọng tài được quản lý bởi một trung tâm trọng tài riêng biệt theo quy tắc trọng tài riêng. Trong trọng tài quy chế, các bên nhờ một trung tâm trọng tài hoặc một tổ chức trọng tài quy chế giám sát tố tụng theo quy tắc tố tụng trọng tài của tổ chức đó. Quy tắc của các trung tâm trọng tài thường tuân theo một khuôn mẫu chung tương tự nhau. Mặc dù có những đặc thù riêng của mỗi Trung tâm trọng tài nhưng các bản quy tắc tố tụng đó đều được xây dựng trên các nguyên tắc cơ bản đã được quy định trong bản quy tắc trọng tài của Ủy ban luật thương mại quốc tế của Liên hợp quốc (UNCITRAL)⁴. Điểm chung của các bộ nguyên tắc này là đều được xây dựng riêng cho các vụ kiện trọng tài được trung tâm đó quản lý, và chúng thường được đưa vào hợp đồng chính giữa các bên dưới dạng điều khoản trọng tài. Ví dụ: Điều khoản mẫu của ICC quy định

⁴ Nguyễn Viết Tỷ (2019), *Đặc trưng cơ bản của trọng tài thương mại ở Việt Nam*. Tạp chí Luật học, trường Đại học Luật Hà Nội, (04). tr.51-60, tr. 56.

rằng: “Tất cả các tranh chấp phát sinh từ hoặc có liên quan đến hợp đồng này đều phải được giải quyết theo Quy tắc trọng tài của Phòng thương mại quốc tế bởi một hoặc nhiều trọng tài viên được chỉ định theo quy tắc nói trên.”

1.3. Ưu điểm của trọng tài thương mại

Xuất phát từ những nguyên tắc giải quyết tranh chấp của mình thì trọng tài thể hiện rất nhiều ưu điểm vượt trội, mang lại nhiều lợi ích cho các bên khi có tranh chấp trong hoạt động kinh doanh, thương mại, cụ thể như sau:

Thứ nhất, khác với tố tụng tòa án được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự áp dụng để giải quyết tất cả các vụ việc trong lĩnh vực dân sự nói chung, thủ tục trọng tài áp dụng cho các tranh chấp trong hoạt động thương mại đơn giản hơn, các bên có thể chủ động về thời gian, địa điểm giải quyết tranh chấp giúp đẩy nhanh thời gian giải quyết tranh chấp; thủ tục trọng tài không trải qua nhiều cấp xét xử như ở tòa án, cho nên hạn chế tổn kém về thời gian và tiền bạc cho doanh nghiệp.

Thứ hai, việc được quyền lựa chọn trọng tài viên giải quyết tranh chấp cho phép các bên lựa chọn được các chuyên gia có chuyên môn và kinh nghiệm thực tế về vấn đề tranh chấp, có uy tín trong ngành nghề trở thành trọng tài viên giải quyết tranh chấp của các bên, đảm bảo chất lượng giải quyết tranh chấp. (tranh chấp bảo hiểm, tranh chấp về cổ phiếu, chứng khoán; tranh chấp xây dựng,...).

Thứ ba, trọng tài tôn trọng tính bảo mật thông tin (confidentiality) cho toàn bộ quá trình, phiên họp trọng tài cũng được thực hiện không công khai (khác với nguyên tắc *Tòa án xét xử công khai* trong tố tụng tòa án), nhờ đó, các bên trong tranh chấp có thể đảm bảo được uy tín của mình trên thương trường. Ngày nay, tính bảo mật ngày càng được doanh nghiệp chú ý trong bối cảnh các vấn đề tài chính của doanh nghiệp hiện nay rất nhạy cảm với các thông tin liên quan tới doanh nghiệp (đặc biệt là với các công ty đã niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán).

Thứ tư, thẩm quyền của hội đồng trọng tài được thiết lập dựa trên sự tự nguyện thỏa thuận của các bên mà không phụ thuộc vào quyền lực nhà nước. Mềm dẻo hơn, linh hoạt hơn (cho phép sử dụng tiếng nước ngoài, áp dụng luật

nước ngoài,.) phù hợp để giải quyết các tranh chấp có yếu tố nước ngoài.

Thứ năm, phán quyết của trọng tài có đặc điểm giống như bản án của tòa án đó chính là mang tính chung thẩm và bắt buộc các bên phải thi hành. Nếu đem thi hành trong lãnh thổ Việt Nam, phán quyết trọng tài VIAC có thể được đưa thẳng tới cơ quan thi hành án (Cục thi hành án dân sự) để được cưỡng chế thi hành; phán quyết trọng tài VIAC cũng có thể được cho công nhận và thi hành tại hơn 150 quốc gia và vùng lãnh thổ là thành viên Công ước NewYork về công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài.

2. Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC)

2.1. Vắn tắt lịch sử hình thành

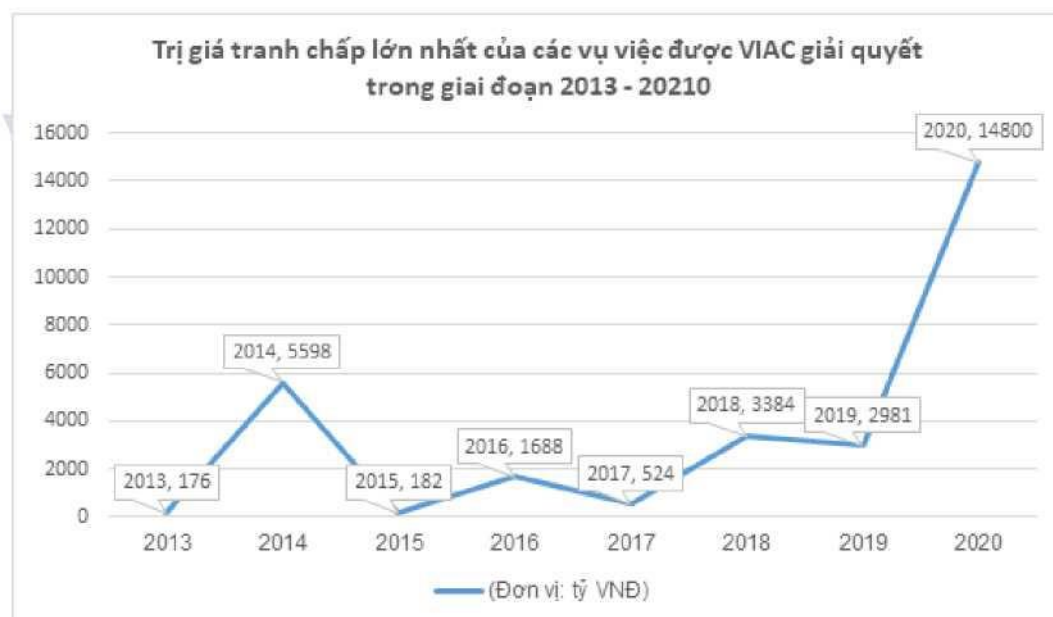
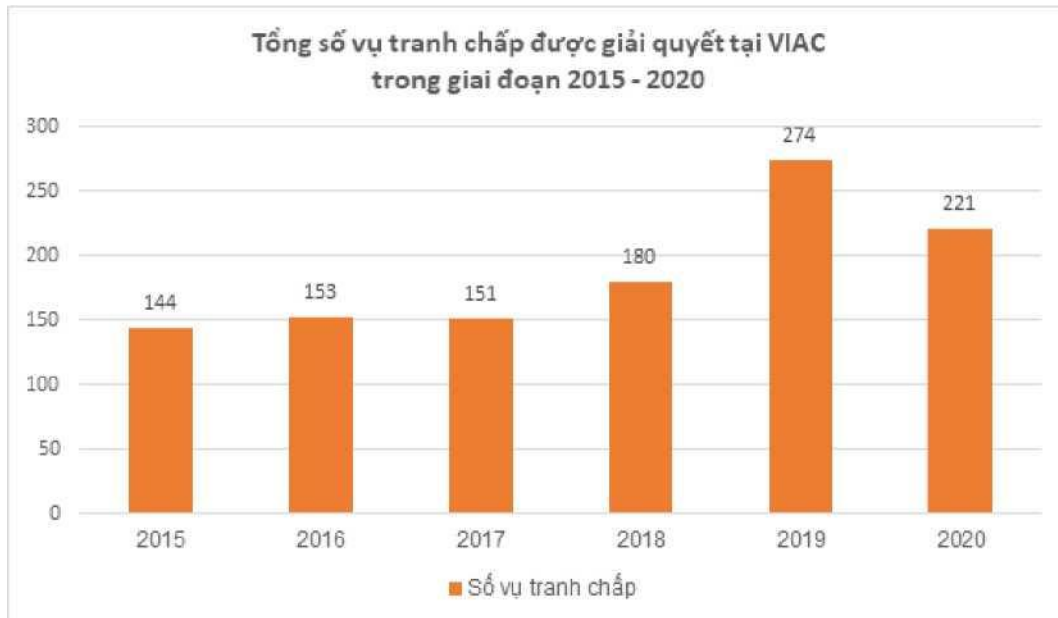
Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VIAC) được thành lập theo Quyết định số 204/TT g ngày 28 tháng 4 năm 1993 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam trên cơ sở hợp nhất Hội đồng Trọng tài Ngoại thương (thành lập năm 1963) và Hội đồng Trọng tài Hàng hải (thành lập năm 1964). Trải qua trên 50 năm hoạt động trong lĩnh vực giải quyết tranh chấp thương mại, VIAC đã giải quyết hàng nghìn vụ tranh chấp trong nước và có yếu tố nước ngoài liên quan đến tất cả lĩnh vực thương mại như mua bán hàng hóa, vận tải, bảo hiểm, xây dựng, tài chính, ngân hàng, đầu tư v.v. với các bên tranh chấp đến từ 59 tỉnh thành tại Việt Nam và 64 quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới. VIAC không ngừng lớn mạnh, phát triển, đem lại niềm tin và là chỗ dựa về công lý của cộng đồng doanh nghiệp trong nước và quốc tế.

2.2. Tình hình giải quyết tranh chấp tại VIAC những năm gần đây

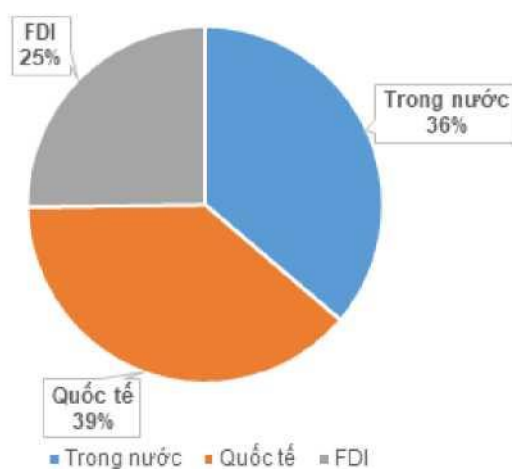
Trọng tài thương mại tại Việt Nam ngày một phát triển rực rỡ, điều này có thể được nhận thấy qua số lượng trung tâm được thành lập. Từ 3 trung tâm trọng tài ban đầu, số lượng trung tâm trọng tài đã phát triển lên đến hơn 30 trung tâm. Trong đó, Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam là tổ chức trọng tài nằm bên cạnh Phòng Công nghiệp Thương mại Việt Nam được đánh giá là tổ chức trọng tài uy tín và lâu đời nhất với hơn 20 năm hoạt động và hiện là tổ chức trọng tài có

hoạt động mạnh mẽ và phủ sóng rộng nhất tại Việt Nam.

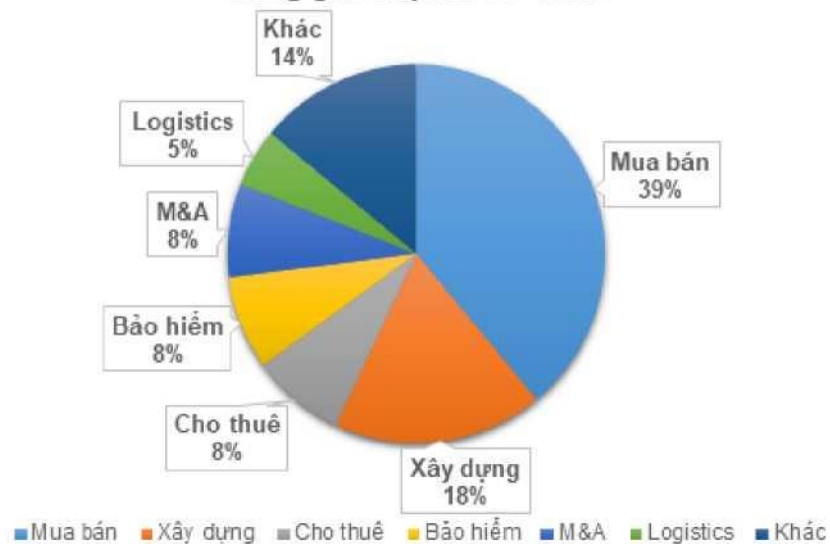
Những biểu đồ dưới đây thống kê thông tin về các vụ tranh chấp được thụ lý giải quyết tại VIAC qua các năm. Số lượng vụ tranh chấp được thụ lý riêng trong năm 2020 là 221 vụ.



Tính chất của các vụ tranh chấp được giải quyết tại VIAC trong giai đoạn 1993 - 2020



Lĩnh vực của các vụ tranh chấp được giải quyết tại VIAC trong giai đoạn 2011 - 2020



II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LƯU Ý CHO DOANH NGHIỆP TRONG QUÁ TRÌNH GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TẠI VIAC

1. Điều kiện giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài⁵

Thỏa thuận giải quyết tranh chấp bằng trọng tài là nền tảng cho trọng tài quốc tế. Nó ghi nhận sự đồng thuận của các bên trong việc đưa vụ tranh chấp ra trọng tài và sự đồng thuận là yếu tố không thể thiếu trong bất cứ quá trình giải quyết tranh chấp ngoài tòa án nào.

Có hai loại thỏa thuận trọng tài cơ bản: *điều khoản trọng tài* và *thỏa thuận giải quyết tranh chấp đã phát sinh bằng trọng tài*. Điều khoản trọng tài là loại thỏa thuận thông dụng nhất, thường được bao gồm trong thỏa thuận chính giữa các bên và là thỏa thuận sẽ đưa một tranh chấp *có thể xảy ra trong tương lai* ra trọng tài. Còn thỏa thuận giải quyết tranh chấp đã phát sinh là thỏa thuận đưa một tranh chấp *đang tồn tại* ra trọng tài.

Điều khoản trọng tài thường ngắn gọn, xuất phát từ việc các bên chưa rõ những dạng tranh chấp nào có thể phát sinh trong tương lai và cách thức tốt nhất để xử lý những tranh chấp đó. Trong khi đó, thỏa thuận giải quyết tranh chấp đã phát sinh thường dài hơn bởi lúc này tranh chấp đã xảy ra trên thực tế, và do đó thỏa thuận này có thể được điều chỉnh để tương thích với hoàn cảnh của vụ việc - có thể bao gồm tên các trọng tài viên, nêu ra các vấn đề trong tranh chấp, quy định về việc trao đổi các bản đệ trình và các vấn đề về thủ tục khác.

Hầu hết các vụ kiện trọng tài thương mại quốc tế được tiến hành dựa trên một điều khoản trọng tài trong một hợp đồng thương mại. Những điều khoản này thường là “*điều khoản lúc nửa đêm*”, do thường là điều khoản cuối cùng được cân nhắc đến trong quá trình thương thảo hợp đồng, nên

⁵ VIAC, *Tổng quan về thỏa thuận trọng tài*, <https://www.viac.vn/thu-tuc-trong-tai/tong-quan-ve-thoa-thuan-trong-tai-a56.html>

thường không được các bên suy nghĩ đầy đủ, dẫn đến những thỏa thuận không thỏa đáng và khó thực hiện (lựa chọn sai luật nội dung hoặc về địa điểm trọng tài). Nếu một vụ tranh chấp phát sinh và quá trình tổ tụng trọng tài được tiến hành, những vấn đề này sẽ phải được giải quyết trước khi có thể tiếp tục giải quyết những vấn đề tranh chấp thực sự.

Nghị định thư Geneva 1923 và Công ước Geneva 1927 về công nhận và cho thi hành thỏa thuận trọng tài quốc tế và việc thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài được tiếp nối bởi hàng loạt các công ước khu vực khác, đặc biệt là Công ước New York 1958. Sau khi điều chỉnh về việc công nhận giá trị pháp lý và khả năng thi hành của các thỏa thuận trọng tài, Công ước cũng quy định về việc thi hành trên quy mô quốc tế của những phán quyết đáp ứng được những tiêu chuẩn đề ra. Bên cạnh đó, Công ước Panama, được xây dựng gần giống với Công ước New York, đã đánh dấu một bước tiến trong quá trình ghi nhận trọng tài như một phương thức giải quyết tranh chấp được công nhận trên bình diện khu vực.

Các công ước này đã tạo ra những tiêu chuẩn có tính quốc tế của một thỏa thuận trọng tài; trong đó, các quy định tại Công ước New York 1958 - Công ước được coi là *“cột đỡ quan trọng nhất cho sự hiệu quả của trọng tài quốc tế”* yêu cầu mỗi quốc gia thành viên có nhiệm vụ phải công nhận và đảm bảo hiệu lực cho một thỏa thuận trọng tài khi những điều kiện sau được đáp ứng:

- Thỏa thuận đó được lập bằng văn bản;
- Thỏa thuận về những tranh chấp đang tồn tại hoặc có thể phát sinh trong tương lai;
- Những tranh chấp này phát sinh từ một quan hệ pháp luật xác định, dù có phải quan hệ hợp đồng hay không; và
- Chúng liên quan đến một vấn đề có thể được giải quyết bằng trọng tài (arbitrability)

2. Các vấn đề liên quan đến thỏa thuận trọng tài

2.1. Sự điều chỉnh của pháp luật đối với thỏa thuận trọng tài

Trọng tài thương mại (trọng tài) không có thẩm quyền đương nhiên như tòa án quốc gia, mà chỉ có thẩm quyền khi các bên thống nhất thỏa thuận, một các hàm ý hoặc minh thị, lựa chọn trọng tài. Đây là đặc điểm cơ bản thể hiện tính lựa chọn thay thế Tòa án của thủ tục tổ tụng trọng tài (Alternative) và khi các bên đã có thỏa thuận sử dụng trọng tài, thì loại trừ thẩm quyền của Tòa án. Tuy nhiên, cũng giống như mọi thỏa thuận dân sự khác, thỏa thuận trọng tài chỉ phát sinh hậu quả pháp lý, tức là trao quyền xét xử cho trọng tài, khi thỏa thuận trọng tài đó có hiệu lực theo quy định của pháp luật điều chỉnh thỏa thuận trọng tài đó.

2.2. Hình thức của thỏa thuận trọng tài⁶

Tất cả các công ước về trọng tài đã được đề cập đến cũng như Phương án 1 của Luật Mẫu đều yêu cầu rằng một thỏa thuận giải quyết tranh chấp bằng trọng tài cần phải được lập “bằng văn bản” - Lý do cần có yêu cầu này là quá rõ ràng, bởi một thỏa thuận trọng tài hợp lệ sẽ loại trừ thẩm quyền của tòa án quốc gia, hay nói cách khác, mọi tranh chấp giữa các bên sẽ phải giải quyết thông qua một phương thức tài phán tư - trọng tài.

Điều 11(2) của Công ước New York định nghĩa *yêu cầu phải “bằng văn bản”* như sau: “thuật ngữ “thỏa thuận bằng văn bản” bao gồm một điều khoản trọng tài trong hợp đồng hoặc một thỏa thuận trọng tài được các bên ký kết hoặc được ghi trong thư tín trao đổi”. Yêu cầu về chữ ký của các bên đã gây ra nhiều vấn đề tại một số quốc gia nhưng quan điểm chung vẫn là không cần đến chữ ký nếu thỏa thuận trọng tài được lập bằng văn bản.

Hiện nay, quy định về hình thức “bằng văn bản” của thỏa thuận trọng tài đang có xu hướng được hiểu theo nghĩa rất rộng do cuộc cách mạng về

⁶ VIAC, *Giá trị pháp lý của Thỏa thuận trọng tài*, <https://www.viac.vn/thu-tuc-trong-tai/gia-tri-phap-ly-cua-thoa-thuan-trong-tai-a55.html>

phương thức liên lạc thông qua điện tín, email v.v...

Ví dụ Luật Mậu sửa đổi quy định về hình thức thỏa thuận trọng tài “bằng văn bản” như sau:

Điều 7, Phương án 1:

(3) Một thỏa thuận được coi là bằng văn bản nếu nội dung của nó được ghi chép lại bằng bất cứ hình thức nào, dù thỏa thuận trọng tài hoặc hợp đồng đó được xác lập bằng lời nói, bằng hành động, hoặc bằng bất cứ phương thức nào khác.

(4) Yêu cầu được lập bằng văn bản đối với một thỏa thuận trọng tài được lập bằng phương tiện liên lạc điện tử sẽ được coi là đã được đáp ứng nếu thông tin trong đó có thể truy cập được và sau đó có thể sử dụng để dẫn chiếu; “phương thức liên lạc điện tử” nghĩa là bất cứ phương thức liên lạc nào mà các bên tạo ra bởi các hình thức tin nhắn dữ liệu; “tin nhắn dữ liệu” nghĩa là thông tin được tạo ra, gửi, nhận hoặc được lưu trữ bởi các phương tiện điện tử, từ tính, quang học hoặc các phương thức khác tương tự, bao gồm nhưng không giới hạn bởi trao đổi dữ liệu điện tử (EDI), thư điện tử, điện tín, telex hoặc fax.

(5) Một thỏa thuận trọng tài cũng được coi là văn bản nếu như thỏa thuận đó có được bao gồm trong việc trao đổi về đơn kiện và bản tự bảo vệ, mà trong đó thể hiện sự tồn tại của thỏa thuận do một bên đưa ra và bên kia không phủ nhận.

(6) Sự dẫn chiếu đến bất cứ văn bản nào khác bao gồm điều khoản trọng tài trong hợp đồng sẽ tạo nên một thỏa thuận trọng tài bằng văn bản nếu như sự dẫn chiếu đó làm cho điều khoản đó trở thành một phần của hợp đồng.

Phương án 2 tại Điều 7 phản ánh quan điểm mới nhất trong một số hệ thống pháp luật rằng thỏa thuận trọng tài không phải tuân thủ bất cứ yêu cầu nào về hình thức. Phương án này không yêu cầu thỏa thuận trọng tài phải

bằng văn bản mà chỉ quy định có thể đưa ra “một thỏa thuận giữa các bên về giải quyết toàn bộ hoặc một số tranh chấp nhất định bằng trọng tài”. Tuy nhiên, vẫn cần phải cân trọng bởi lẽ vẫn có những trường hợp Tòa án từ chối cho thi hành thỏa thuận trọng tài không bằng văn bản. Điều này còn phải tùy thuộc vào luật quốc gia nơi thi hành phán quyết trọng tài quy định như thế nào về hình thức thỏa thuận trọng tài.

Luật Trọng tài thương mại 2010 của Việt Nam (Luật TTTM) cũng có quy định hình thức của thỏa thuận trọng tài phải được lập bằng văn bản, có thể ở dạng một điều khoản trong hợp đồng hoặc dưới hình thức thỏa thuận riêng. Quy định này đã tiếp thu những cải tiến trong Luật Mẫu so với quy định về hình thức thỏa thuận trọng tài tại Công ước New York 1958, Điều 16 Khoản 2 Luật TTTM 2010 đã liệt kê cụ thể các hình thức thỏa thuận được coi là xác lập bằng văn bản và đây là quy định rất quan trọng và phù hợp với thực tiễn, trong bối cảnh công nghệ đang phát triển với tốc độ nhanh chóng và hình thức văn bản truyền thống đã trở nên quá xa vời.

2.3. Năng lực ký kết thỏa thuận trọng tài

Một thỏa thuận chỉ hợp pháp khi các bên tham gia ký kết thỏa thuận đó có năng lực đầy đủ. Thực tiễn cho thấy, các bên thường thỏa thuận chọn luật để áp dụng đối với hợp đồng của mình. Tuy nhiên, luật mà các bên lựa chọn đó có điều chỉnh tất cả các khía cạnh của hợp đồng hay chỉ điều chỉnh nội dung của hợp đồng? Liệu các bên có thể thỏa thuận chọn pháp luật điều chỉnh năng lực của mình hay không? Pháp luật Việt Nam cũng như pháp luật nhiều nước không có quy định rõ ràng đối với vấn đề này. Cụ thể, đối với hợp đồng nói chung, pháp luật Việt Nam quy định, “*các bên trong quan hệ hợp đồng được thỏa thuận lựa chọn pháp luật áp dụng đối với hợp đồng*” (khoản 1 Điều 683 Bộ luật Dân sự năm 2015). Quy định này không cho biết pháp luật mà các bên lựa chọn sẽ được áp dụng để điều chỉnh tất cả những gì liên quan đến hợp đồng, bao gồm cả năng lực chủ thể của các bên giao kết hợp đồng, hay chỉ điều chỉnh nội dung của hợp đồng.

Liên quan đến thỏa thuận trọng tài, dù là một điều khoản nằm trong hợp đồng hay một văn bản riêng rẽ, thì cũng đều mang bản chất hợp đồng, Luật Trọng tài thương mại năm 2010 dường như mới chỉ quan tâm đến loại thỏa thuận trọng tài giữa các bên tranh chấp không có yếu tố nước ngoài. Cụ thể, Điều 18 Luật Trọng tài thương mại năm 2010 quy định các trường hợp thỏa thuận trọng tài vô hiệu; theo đó, *“người xác lập thỏa thuận trọng tài không có thẩm quyền theo quy định của pháp luật”* (khoản 2). Quy định này không cho biết *“theo quy định của pháp luật nước nào”* khi mà các bên tham gia thỏa thuận có quốc tịch/trụ sở ở các nước khác nhau. Sau đó, khoản 3 cũng quy định thỏa thuận trọng tài vô hiệu nếu *“Người xác lập thỏa thuận trọng tài không có năng lực hành vi dân sự theo quy định của Bộ luật Dân sự”*. Như vậy, Luật Trọng tài thương mại đã không có quy định chuyên biệt về năng lực chủ thể mà quy dẫn đến các quy định chung của Bộ luật Dân sự (BLDS). Liên quan đến thỏa thuận trọng tài giữa các bên có quốc tịch/trụ sở khác nhau (tức là có yếu tố nước ngoài) thì sẽ làm phát sinh vấn đề xung đột pháp luật và khi đó sẽ phải được giải quyết theo Phần V, BLDS năm 2015, đặc biệt các Điều 673, 674 đối với cá nhân và Điều 675 đối với pháp nhân.

Trên bình diện quốc tế, Công ước New York năm 1958 mà Việt Nam là thành viên có quy định một cách gián tiếp về pháp luật điều chỉnh năng lực của các bên tham gia thỏa thuận trọng tài tại Điều 5 nhằm phục vụ cho việc công nhận và thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài. Cụ thể, việc công nhận và thi hành quyết định có thể bị từ chối khi chứng minh được rằng *“các bên của thỏa thuận theo luật áp dụng đối với các bên, không có đủ năng lực, hoặc thỏa thuận nói trên không có giá trị theo luật mà các bên chịu sự điều chỉnh, nếu không có chỉ dẫn về điều này, theo luật của Quốc gia nơi ra quyết định”*.

Như vậy, có thể nói rằng, năng lực chủ thể với ý nghĩa là một điều kiện có hiệu lực của hợp đồng nói chung và của thỏa thuận trọng tài nói riêng phải luôn được xác định theo pháp luật của nước mà mỗi bên có quốc tịch hoặc có trụ sở. Năng lực chủ thể không thuộc lĩnh vực mà các bên được quyền

chọn luật áp dụng để điều chỉnh. Khi đứng trước vấn đề về năng lực chủ thể ký kết thỏa thuận trọng tài, trọng tài sẽ phải dựa vào luật của nước mà các bên có quốc tịch hoặc trụ sở, chứ không dựa vào luật mà các bên lựa chọn áp dụng đối với hợp đồng.

2.4. Đối tượng của thỏa thuận trọng tài

Liên quan đến đối tượng của thỏa thuận trọng tài, tức là loại tranh chấp mà các bên muốn trọng tài xét xử, điều cần quan tâm đó chính là tranh chấp mà các bên dự kiến lựa chọn trọng tài để giải quyết có thuộc loại được pháp luật quy định thuộc thẩm quyền giải quyết tranh chấp đối với trọng tài hay không.

Điều 2 Luật Trọng tài thương mại quy định về thẩm quyền giải quyết tranh chấp của trọng tài. Theo đó, trọng tài chỉ có thẩm quyền giải quyết: “1. Tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại; 2. Tranh chấp phát sinh giữa các bên trong đó ít nhất một bên có hoạt động thương mại; Tranh chấp khác giữa các bên mà pháp luật quy định được giải quyết bằng trọng tài”. Tuy nhiên, khoản 6 Điều 18 Luật này quy định thỏa thuận trọng tài sẽ vô hiệu nếu “[...] vi phạm điều cấm của pháp luật”.

Các quy định trên không cho biết đó là pháp luật Việt Nam hay pháp luật nước ngoài. Nếu như tranh chấp giữa các bên không có yếu tố nước ngoài, thì đó hiển nhiên sẽ là pháp luật Việt Nam. Tuy nhiên, câu trả lời sẽ không đương nhiên khi đó là tranh chấp kinh doanh, thương mại quốc tế.

2.5. Một số yếu tố cơ bản của Thỏa thuận Trọng tài

a. Luật điều chỉnh nội dung tranh chấp

Tranh chấp phát sinh từ các hợp đồng kinh doanh, thương mại thường rất đa dạng. Chính sự đa dạng của nội dung tranh chấp có thể dẫn tới sự đa dạng của các nguồn luật cần được áp dụng. Hiện nay, đa số các quốc gia cho phép các bên được quyền lựa chọn áp dụng đối với hợp đồng quốc tế. Ở Việt Nam, Điều 683 BLDS quy định rõ quyền này. Khi các bên thực hiện việc lựa chọn pháp luật một cách hợp pháp thì trọng tài sẽ phải áp dụng pháp luật đó.

Tuy nhiên, ngay cả khi các bên đã lựa chọn pháp luật áp dụng thì không phải mọi vấn đề về luật áp dụng đều đã được giải quyết.

- **Luật mà các bên lựa chọn**

Điều 14 Luật Trọng tài thương mại năm 2010 là một quy định quan trọng về luật áp dụng giải quyết tranh chấp. Nhà làm luật đã phân chia ra hai trường hợp; theo đó, đối với tranh chấp không có yếu tố nước ngoài, Hội đồng trọng tài áp dụng pháp luật Việt Nam để giải quyết tranh chấp (khoản 1). Đối với tranh chấp có yếu tố nước ngoài, Hội đồng trọng tài áp dụng pháp luật do các bên lựa chọn; nếu các bên không có thỏa thuận về luật áp dụng thì Hội đồng trọng tài quyết định áp dụng pháp luật mà Hội đồng trọng tài cho là phù hợp nhất (khoản 2).

- **Luật do hội đồng trọng tài xác định**

Trong thực tế có khả năng xảy ra tình huống các bên không biết mình có quyền, hoặc biết nhưng không thực hiện quyền lựa chọn pháp luật áp dụng đối với hợp đồng của mình. Do vậy, để giải quyết tranh chấp, trên thế giới hiện nay tồn tại hai phương pháp, đó là phương pháp gián tiếp, thông qua việc sử dụng quy phạm tư pháp quốc tế và phương pháp trực tiếp trao quyền cho hội đồng trọng tài xác định luật áp dụng.

Phương pháp trực tiếp trao quyền cho hội đồng trọng tài xét xử vụ tranh chấp tự mình xác định luật hoặc các quy tắc pháp luật mà mình cho là phù hợp nhất mà không cần dựa vào quy phạm xung đột. Nhiều nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam áp dụng phương pháp này. Cụ thể, theo khoản 2 Điều 14 Luật Trọng tài thương mại, *“nếu các bên không có thỏa thuận về luật áp dụng thì Hội đồng trọng tài quyết định áp dụng pháp luật mà Hội đồng trọng tài cho là phù hợp nhất”*. Luật không có quy định chi tiết hơn về căn cứ mà hội đồng trọng tài phải dựa vào để xác định sự phù hợp nhất của nguồn luật mà trọng tài lựa chọn áp dụng để giải quyết nội dung tranh chấp.

b. Ngôn ngữ sử dụng trong tổ tụng trọng tài

Tổ tụng trọng tài phải được tiến hành theo một hay một số ngôn ngữ

nhất định. Tùy từng hệ thống pháp luật, tùy từng thời kỳ thì khả năng thỏa thuận của các bên về ngôn ngữ trong tố tụng trọng tài có thể khác nhau.

Ở Việt Nam, Luật trọng tài quy định “1. Đối với tranh chấp không có yếu tố nước ngoài, ngôn ngữ sử dụng trong tố tụng trọng tài là tiếng Việt, trừ trường hợp tranh chấp mà ít nhất một bên là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Trường hợp bên tranh chấp không sử dụng được tiếng Việt thì được chọn người phiên dịch ra tiếng Việt. 2. Đối với tranh chấp có yếu tố nước ngoài, tranh chấp mà ít nhất một bên là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, ngôn ngữ sử dụng trong tố tụng trọng tài do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không có thỏa thuận thì ngôn ngữ sử dụng trong tố tụng trọng tài do Hội đồng trọng tài quyết định” (Điều 10).

Nội dung trên cho thấy có những trường hợp các bên không thể lựa chọn ngôn ngữ nhưng cũng có những trường hợp các bên có thể lựa chọn ngôn ngữ. Đối với trường hợp các bên được lựa chọn ngôn ngữ, các bên không nhất thiết phải lựa chọn ngôn ngữ trong thỏa thuận của mình và, trong trường hợp này, Hội đồng trọng tài tự xác định. Điều đó cho thấy ngôn ngữ trọng tài không phải là nội dung bắt buộc của thỏa thuận trọng tài. Thực ra, Quy chế của ICC cũng theo hướng này vì quy định rằng: “*Nếu các bên không thỏa thuận, Hội đồng trọng tài có quyền xác định một hoặc nhiều ngôn ngữ áp dụng cho giải quyết tranh chấp bằng trọng tài, sau khi xem xét tất cả các trường hợp liên quan, bao gồm cả ngôn ngữ hợp đồng*” (Điều 16).

c. Địa điểm trọng tài

“Địa điểm trọng tài” hay còn gọi là “địa điểm giải quyết tranh chấp bằng trọng tài” là nơi Hội đồng trọng tài tiến hành giải quyết tranh chấp. Xác định địa điểm trọng tài là một trong những vấn đề quan trọng. Trong thương mại quốc tế, địa điểm trọng tài quyết định luật hình thức cho thủ tục trọng tài. Địa điểm này còn cho phép xác định “quốc tịch”

Theo Luật trọng tài, “*Địa điểm giải quyết tranh chấp* là nơi Hội đồng trọng tài tiến hành giải quyết tranh chấp theo sự thỏa thuận lựa chọn của các

bên hoặc do Hội đồng trọng tài quyết định nếu các bên không có thỏa thuận. Nếu địa điểm giải quyết tranh chấp được tiến hành trên lãnh thổ Việt Nam thì phán quyết phải được coi là tuyên tại Việt Nam mà không phụ thuộc vào nơi Hội đồng trọng tài tiến hành phiên họp để ra phán quyết đó” (khoản 8 Điều 3). Nội dung trên cho thấy địa điểm giải quyết trọng tài (địa điểm trọng tài) có thể được các bên thỏa thuận nhưng khi các bên không có thỏa thuận về địa điểm này thì thỏa thuận trọng tài vẫn có giá trị. Điều này cho thấy địa điểm trọng tài cũng chỉ là nội dung tùy nghi của thỏa thuận trọng tài. Trong thực tế, có nhiều trường hợp các bên thỏa thuận địa điểm trọng tài nhưng cũng không hiếm trường hợp các bên không có thỏa thuận về nội dung này (lúc này Hội đồng trọng tài tự xác định và thường ưu tiên địa điểm gần với Bị đơn).

Khi thỏa thuận về địa điểm trọng tài, các bên nên cân nhắc những vấn đề mang tính chất kinh tế như khoảng cách di chuyển, phòng xét xử, những dịch vụ hỗ trợ... Các bên cũng nên chọn địa điểm trọng tài tại quốc gia có luật tiếp nhận các quy định phù hợp các yêu cầu của trọng tài thương mại quốc tế hiện đại và là thành viên của Công ước New York để sau này việc công nhận và thi hành phán quyết trọng tài được thuận lợi.

Thực tiễn cho thấy trong nhiều trường hợp các bên trong giao dịch có sự nhầm lẫn về vấn đề địa điểm trọng tài khi chọn trọng tài thể chế là có sự đồng nhất giữa địa điểm trọng tài và trụ sở của trung tâm trọng tài được lựa chọn để giải quyết tranh chấp. Về cơ bản, đây là hai phạm trù khác nhau - các bên tranh chấp có thể chọn một trung tâm trọng tài có trụ sở tại một địa điểm, nhưng lại chọn một địa điểm khác để tiến hành thủ tục trọng tài. Sự mơ hồ, không rõ ràng của thỏa thuận về địa điểm trọng tài có thể ảnh hưởng tới luật tố tụng được áp dụng cho thủ tục trọng tài.⁷

⁷ Trần Việt Dũng (2015), “Xác định địa điểm trọng tài trong tố tụng trọng tài thương mại quốc tế”, *Tạp chí Nhà nước & Pháp luật* 11 (331).

3. Đặc điểm của thỏa thuận Trọng tài⁸

3.1. Tôn trọng tính tự nguyện, tự do ý chí của các bên tranh chấp

Để vụ việc được giải quyết bằng hình thức trọng tài, các bên phải có thỏa thuận trọng tài trong hợp đồng hoặc một thỏa thuận trọng tài riêng biệt bằng văn bản.

Thỏa thuận trọng tài phải thể hiện rõ ý chí của các bên là trong trường hợp phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết tại một tổ chức trọng tài xác định. Quy tắc trọng tài, pháp luật áp dụng để giải quyết tranh chấp đều do các bên thỏa thuận lựa chọn trong thỏa thuận trọng tài. Các bên cũng có thể thỏa thuận về địa điểm tiến hành trọng tài, ngôn ngữ sử dụng, quy tắc tố tụng, trọng tài viên... Điều này cũng thể hiện được tính trung lập của tổ tụng trọng tài và là một trong những ưu điểm của tổ tụng trọng tài so với tổ tụng toà án.

Trong tổ tụng toà án, việc giải quyết tranh chấp thường bao gồm việc áp dụng pháp luật quốc gia của toà án, các bên không thể lựa chọn pháp luật áp dụng, thẩm phán xét xử. Đặc biệt trong các trường hợp có liên quan đến yếu tố nước ngoài, sự ràng buộc “cứng” của tổ tụng toà án có thể dẫn đến sự thiếu bình đẳng khi giải quyết tranh chấp.

3.2. Tính bảo mật cao

Các phiên họp giải quyết tranh chấp của trọng tài không tổ chức công khai và quyết định trọng tài chỉ gửi cho các bên tranh chấp. Các quyết định của trọng tài sau khi tuyên cũng được lưu giữ và không được phổ biến cho bất cứ ai. Đây là một ưu điểm của tổ tụng trọng tài so với tổ tụng toà án, vì việc xét xử và tuyên án của toà án phải được tiến hành công khai.

Nghĩa vụ bảo mật được quy định cho tất cả những người có liên quan như trọng tài viên, thư ký, các bên tranh chấp và cả những người được mời tham dự phiên họp giải quyết tranh chấp.

⁸ Th.S Luật sư Vũ Ánh Dương, *Trọng tài thương mại: Pháp luật & Thực tiễn*

4. Thủ tục giải quyết tranh chấp Trọng tài thương mại

3.1. Giai đoạn tiền tố tụng

Tổ tụng trọng tài tại VIAC bắt đầu bằng việc Nguyên đơn gửi Đơn khởi kiện tới VIAC. Để bắt đầu vụ kiện trọng tài tại VIAC, Nguyên đơn cần lập Đơn khởi kiện tuân thủ theo Điều 7 của Quy tắc VIAC 2017:

“Điều 7. Đơn khởi kiện

1. Một bên muốn khởi kiện ra Trung tâm phải gửi Đơn khởi kiện tới Trung tâm.

2. Đơn khởi kiện phải có các nội dung sau đây:

a) Ngày, tháng, năm làm Đơn khởi kiện;

b) Tên, địa chỉ của các bên;

c) Tóm tắt nội dung của vụ tranh chấp;

d) Cơ sở khởi kiện;

đ) Trị giá của vụ tranh chấp và các yêu cầu khởi kiện khác của Nguyên đơn;

e) Tên của người được Nguyên đơn chọn làm Trọng tài viên hoặc yêu cầu Trung tâm chỉ định Trọng tài viên theo quy định tại khoản 1 Điều 12 hoặc Điều 13 của Quy tắc này;

g) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc của người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp Nguyên đơn là tổ chức; chữ ký của cá nhân hoặc của người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp Nguyên đơn là cá nhân.

3. Kèm theo Đơn khởi kiện phải có thỏa thuận trọng tài và các tài liệu khác có liên quan.”

Đơn khởi kiện có thể được gửi trực tiếp tới trụ sở VIAC tại Hà Nội và Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh hoặc gửi qua đường bưu điện.

3.2. Giai đoạn bắt đầu vụ kiện trọng tài

Trong giai đoạn này, Thư ký VIAC sẽ trao đổi với nguyên đơn sơ bộ về các bước thủ tục tố tụng trọng tài tại VIAC. Theo đó, Nguyên đơn sẽ xem xét các vấn đề về thỏa thuận trọng tài, các thỏa thuận tố tụng có liên quan (địa điểm, ngôn ngữ, luật áp dụng, số lượng Trọng tài viên, ...). Thư ký VIAC cũng sẽ hỗ trợ về thủ tục, đặc biệt là trao đổi về một số rủi ro tố tụng có thể phát sinh để nguyên đơn hoàn thiện hồ sơ khởi kiện.

Thông thường, sau khi Nguyên đơn hoàn thiện các thủ tục khởi kiện và nộp phí trọng tài, VIAC sẽ:

- Gửi Thông báo chính thức tới Bị đơn về việc Bị đơn đang bị kiện tại VIAC;
- Gửi kèm toàn bộ hồ sơ khởi kiện của Nguyên đơn để Bị đơn biết;
- Gửi kèm Quy tắc tố tụng trọng tài VIAC.

Trong Thông báo, VIAC hướng dẫn Bị đơn thực hiện các quyền của mình theo đúng Quy tắc tố tụng trọng tài VIAC. Bị đơn có quyền kiện lại nguyên đơn về những vấn đề có liên quan đến vụ tranh chấp. Đơn kiện lại của bị đơn phải được gửi cho Trung tâm và phải được nộp cùng thời điểm nộp bản tự bảo vệ.

Theo Khoản 1 Điều 9 Quy tắc VIAC, trừ khi các bên có thỏa thuận khác, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày nhận được Thông báo, Đơn khởi kiện, thỏa thuận trọng tài và các tài liệu khác có liên quan, Bị đơn phải gửi tới Trung tâm Bản tự bảo vệ. Theo Khoản 1 Điều 9 Quy tắc VIAC, Bản tự bảo vệ gồm các nội dung:

- a) Ngày, tháng, năm làm Bản tự bảo vệ;*
- b) Tên, địa chỉ của Bị đơn;*
- c) Cơ sở tự bảo vệ;*
- d) Tên của người được Bị đơn chọn làm Trọng tài viên hoặc yêu cầu*

Trung tâm chỉ định Trọng tài viên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 hoặc Điều 13 của Quy tắc;

đ) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc của người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp Bị đơn là tổ chức; chữ ký của cá nhân hoặc của người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp Bị đơn là cá nhân.

Trong trường hợp Bị đơn cho rằng thỏa thuận trọng tài không tồn tại, thỏa thuận trọng tài vô hiệu hoặc thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện thì Bị đơn phải nêu rõ điều đó trong Bản tự bảo vệ. Nếu Bị đơn không nêu rõ điều đó trong Bản tự bảo vệ thì Bị đơn mất quyền phản đối. Trong trường hợp này, Bị đơn vẫn phải chọn Trọng tài viên hoặc yêu cầu Trung tâm chỉ định Trọng tài viên.”

Theo Khoản 1 Điều 10 Quy tắc VIAC, Bị đơn có quyền kiện lại Nguyên đơn. Đơn kiện lại phải căn cứ vào thỏa thuận trọng tài mà dựa vào đó Nguyên đơn đã khởi kiện Bị đơn. Đơn kiện lại phải bằng văn bản riêng, độc lập với Bản tự bảo vệ. Đơn kiện lại phải được gửi tới Trung tâm vào cùng thời điểm gửi Bản tự bảo vệ.

Theo Khoản 6 Điều 10 Quy tắc VIAC, Đơn kiện lại được giải quyết đồng thời bởi chính Hội đồng Trọng tài giải quyết Đơn khởi kiện của Nguyên đơn. Theo Khoản 2 Điều 10 Quy tắc VIAC, Đơn kiện lại phải có các nội dung sau:

- “a) Ngày, tháng, năm làm Đơn kiện lại;*
- b) Tên, địa chỉ của các bên;*
- c) Tóm tắt nội dung của vụ kiện lại;*
- d) Cơ sở kiện lại;*
- đ) Trị giá của vụ kiện lại và các yêu cầu khác của Bị đơn;*
- e) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc của người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp Bị đơn là tổ chức; chữ ký của cá nhân hoặc của người đại diện theo ủy quyền trong trường hợp Bị đơn là cá nhân.”*

3.3. Giai đoạn thành lập Hội đồng Trọng tài

Trong trường hợp Hội đồng Trọng tài gồm Trọng tài viên duy nhất, các bên sẽ thỏa thuận bầu ra Trọng tài viên duy nhất. trong trường hợp các bên không thể thỏa thuận, chủ tịch VIAC sẽ chỉ định Trọng tài viên duy nhất trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp Bản tự bảo vệ của bị đơn.

Trong trường hợp Hội đồng Trọng tài gồm 03 Trọng tài viên, lần lượt sẽ là Trọng tài viên do Nguyên đơn và Bị đơn chọn (hoặc Chủ tịch VIAC chỉ định). Hai trọng tài viên này sẽ bầu một Trọng tài viên thứ ba làm Chủ tịch Hội đồng Trọng tài.

3.4. Giai đoạn vận hành to tụng trọng tài

Trong giai đoạn này, Hội đồng Trọng tài sẽ thảo luận nội bộ để xác định ra những vấn đề tố tụng, những vấn đề nội dung. Các bên sẽ được yêu cầu cung cấp bổ sung tài liệu, và chứng cứ cần thiết. Lịch trình phiên họp giải quyết tranh chấp cũng sẽ được thảo luận và sắp xếp.

3.5. Phiên họp giải quyết vụ tranh chấp

Thông thường một thủ tục trọng tài để giải quyết tranh chấp sẽ không kết thúc mà không có ít nhất một phiên họp ngắn trong đó các bên trình bày trực tiếp trước hội đồng trọng tài và hội đồng trọng tài làm rõ các vấn đề được đệ trình trong các chứng cứ, văn bản của người làm chứng.

Hội đồng Trọng tài không được lập phán quyết trọng tài nếu không tổ chức phiên họp giải quyết vụ tranh chấp. Phiên họp có thể được tổ chức dù bo một bên hoặc các bên vắng mặt. Các phiên họp giải quyết tranh chấp thường được tổ chức vào một ngày do hội đồng trọng tài ấn định, có thể theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc theo ý kiến riêng của hội đồng trọng tài. Việc sắp xếp hành chính sẽ do một trong các bên thực hiện, thường là nguyên đơn, sau khi đã thống nhất với bên còn lại; hoặc việc sắp xếp này có thể do trọng tài viên duy nhất, hay Chủ tịch Hội đồng Trọng tài, hoặc do thư ký trọng tài (nếu có) tiến hành.

a. Địa điểm tổ chức các phiên họp

Đa phần các phiên họp giải quyết tranh chấp có thể được tổ chức tại bất kỳ địa điểm nào thuận lợi cho các bên liên quan. Nhìn chung, trừ khi pháp luật quốc gia tại địa điểm trọng tài quy định khác, không nhất thiết phải tiến hành tất cả các phiên họp giải quyết tranh chấp tại địa điểm trọng tài.

b. Thảo luận trước phiên họp

Trong các vụ việc lớn và phức tạp, một cuộc họp hay trao đổi được lên kế hoạch trước phiên họp giải quyết tranh chấp có thể sẽ giúp tiết kiệm thời gian và tiền bạc rất nhiều trong phiên họp thật sự.

Nội dung liên quan của cuộc trao đổi có thể bao gồm thời gian tham gia của hội đồng trọng tài, phân chia thời gian giữa các bên, thứ tự trình bày, thời lượng và cách thức trình bày, phạm vi và thời lượng của thẩm vấn chéo trực tiếp, tóm tắt sau phiên họp, biên bản và chuẩn bị các tài liệu cho phiên họp. Các bên có thể thỏa thuận với nhau về các vấn đề này, trong trường hợp các bên không thống nhất được thì hội đồng trọng tài sẽ quyết định và ghi nhận lại bằng một chỉ thị về thủ tục.

3.6. Phán quyết trọng tài

Theo Điều 31 Quy tắc VIAC, trong trường hợp Hội đồng Trọng tài gồm ba Trọng tài viên, Phán quyết trọng tài và các Quyết định của Hội đồng Trọng tài được lập theo nguyên tắc đa số. Nếu không đạt được đa số, Phán quyết trọng tài và các Quyết định của Hội đồng Trọng tài được quyết định bởi Chủ tịch Hội đồng Trọng tài. Theo Khoản 5 Điều 4 Luật Trọng tài thương mại, phán quyết trọng tài là chung thẩm.

Theo Khoản 1 Điều 32 Quy tắc VIAC, Phán quyết trọng tài phải được lập bằng văn bản và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- “a) Ngày, tháng, năm và địa điểm lập Phán quyết trọng tài;*
- b) Tên, địa chỉ của Nguyên đơn và Bị đơn;*
- c) Tên của các Trọng tài viên hoặc Trọng tài viên duy nhất;*

d) Tóm tắt Đơn khởi kiện và các vấn đề tranh chấp; tóm tắt Đơn kiện lại và các vấn đề tranh chấp (nếu có);

đ) Căn cứ lập Phán quyết trọng tài, trừ khi các bên thỏa thuận không cần nêu căn cứ trong Phán quyết trọng tài;

e) Kết quả giải quyết vụ tranh chấp;

g) Thời hạn thi hành Phán quyết trọng tài;

h) Phân bổ phí trọng tài và các chi phí khác có liên quan;

i) Chữ ký của các Trọng tài viên hoặc Trọng tài viên duy nhất.”

Nghị quyết số 105/NQ-CP của Chính phủ: phát huy vai trò hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp của Bộ Tư pháp, giải quyết tranh chấp trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp trong bối cảnh dịch COVID-19

TS. Trần Minh Sơn⁹

Việt Nam hiện nay có khoảng 810.000 doanh nghiệp, 26.040 hợp tác xã và 5,2 triệu hộ kinh doanh, đội ngũ này có vai trò, vị trí hết sức quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đã có nhiều đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế, thu ngân sách nhà nước (khu vực doanh nghiệp đóng góp 60% vào GDP, Hợp tác xã đóng góp trực tiếp khoảng 4,8%, gián tiếp trên 30% GDP; hộ kinh doanh đóng góp 30% GDP cả nước), kim ngạch xuất khẩu, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động, xóa đói giảm nghèo, ổn định xã hội (khu vực doanh nghiệp giải quyết tạo việc làm chính trong 51,02 triệu lao động hiện nay; hợp tác xã trên 3 triệu việc làm; hộ kinh doanh tạo gần 10 triệu việc làm); đây là mắt xích quan trọng trong mạng lưới sản xuất, chuỗi giá trị và là một trong những lực lượng nòng cốt trong việc tạo ra của cải, vật chất xã hội. Trong bối cảnh dịch COVID-19, đối tượng trên chịu ảnh hưởng, tổn thất nặng nề, nhiều doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh lâm vào tình trạng giải thể, phá sản.

Bên cạnh một loạt các chính sách hỗ trợ trong bối cảnh dịch COVID-19, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 09/9/2021 về hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong bối cảnh dịch COVID-19, trong đó, Bộ Tư pháp được giao nhiệm vụ: chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan, địa phương tăng cường triển khai các giải pháp hỗ trợ pháp lý, trong đó có giải quyết tranh chấp trong hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật (điểm g khoản 3 Mục III Nghị quyết số 105/NQ-CP) nhằm triển khai các mục tiêu tập trung khôi phục, phát triển hoạt động sản xuất,

⁹ Trưởng Văn phòng Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2021-2025.

kinh doanh của các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh gắn với bảo đảm an toàn phòng, chống dịch COVID-19; hỗ trợ, tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn cản trở hoạt động sản xuất, kinh doanh, giảm thiểu tối đa số doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tạm ngừng hoạt động, giải thể, phá sản do tác động bởi dịch COVID-19...

1. Nghị quyết số 105/NQ-CP của Chính phủ “minh chứng” sự “đồng hành” của Chính phủ đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong bối cảnh dịch COVID-19

Bối cảnh dịch COVID-19 tác động hết sức tiêu cực tới hoạt động sản xuất, kinh doanh, trong 8 tháng đầu năm 2021, riêng khu vực doanh nghiệp đã có hơn 85.000 doanh nghiệp Việt Nam rút khỏi thị trường (tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể và hoàn tất thủ tục giải thể, phá sản).

Tuy nhiên, cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh vẫn phát huy tinh thần đoàn kết, tự lực, tự cường, quyết tâm, nỗ lực thích ứng với hoàn cảnh khó khăn để duy trì sản xuất, kinh doanh và việc làm cho người lao động; đồng thời, nêu cao tinh thần trách nhiệm, chia sẻ, đồng hành cùng các cấp, các ngành trong phòng, chống dịch bệnh COVID-19, hỗ trợ người dân, cộng đồng, tổ chức cứu trợ, vận chuyển và thực hiện các hoạt động thiện nguyện.

Chính vì vậy, việc Chính phủ kịp thời ban hành Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 09/9/2021 về hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong bối cảnh dịch COVID-19 là sự ghi nhận, đánh giá cao vai trò của khu vực doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và tiếp tục quan điểm ***“Chính phủ đồng hành cùng doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh”*** bằng hành động cụ thể, thiết thực; đây là một minh chứng rõ nét nhất thể hiện ***“sự quan tâm, đồng lòng, chia sẻ”*** của Chính phủ đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong bối cảnh khó khăn hiện nay.

2. Doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh “kỳ vọng” vào các nhiệm vụ, giải pháp nói chung của Nghị quyết và vai trò của Bộ Tư pháp trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

Nghị quyết số 105/NQ-CP của Chính phủ vừa được ban hành với mục tiêu rõ ràng, tiên quyết nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tập trung khôi phục, phát triển hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh gắn với bảo đảm an toàn phòng, chống dịch COVID-19; tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn cản trở hoạt động sản xuất, kinh doanh, giảm thiểu tối đa số doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tạm ngừng hoạt động, giải thể, phá sản do tác động bởi dịch COVID-19. Chính phủ phấn đấu đến hết năm 2021 đạt một số mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể sau: (1) Lũy kế ít nhất khoảng 01 triệu lượt khách hàng là doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được hưởng chính sách tín dụng hỗ trợ ứng phó dịch bệnh; (2) Đại đa số các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh quay trở lại hoạt động; và (3) Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách gia hạn nộp thuế; miễn, giảm thuế, phí, tiền thuê đất; hỗ trợ giảm tiền điện, tiền nước, cước viễn thông, các chính sách hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động, đào tạo lao động,... cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh gặp khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19.

Kèm theo đây là các nhiệm vụ, nhóm giải pháp cụ thể như: (i) Thực hiện quyết liệt, hiệu quả các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh phục hồi, duy trì và phát triển sản xuất, kinh doanh gắn với bảo đảm an toàn phòng, chống dịch; (ii) Đảm bảo ổn định sản xuất, lưu thông hàng hoá thông suốt, hiệu quả, an toàn, khắc phục gián đoạn chuỗi cung ứng; (iii) Hỗ trợ cắt giảm chi phí, tháo gỡ khó khăn về tài chính, dòng tiền cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh; (iv) Tạo điều kiện thuận lợi về lao động, chuyên gia. Chính phủ đã giao nhiệm vụ cụ thể cho từng Bộ, ngành, địa phương để thực hiện các nhóm giải pháp này; các giải pháp này là khả thi, hiệu quả,

xuất phát từ chức năng, nhiệm vụ của các bộ, ngành địa phương hiện nay và tình hình thực tiễn sản xuất kinh doanh trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 hiện nay và trong thời gian tới. Các giải pháp này được đánh giá là **“chiếc phao cứu sinh”** cứu giúp các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đang gần như đuối sức trước tác động của đại dịch bệnh COVID-19 kéo dài. Để thực hiện chủ trương của Chính phủ là **“không để ai bị bỏ lại phía sau”, “mỗi doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh khỏe mạnh thì đất nước khỏe mạnh”**.

Trong đó, việc Chính phủ đề ra nhiệm vụ, nhóm giải pháp hỗ trợ cắt giảm chi phí, tháo gỡ khó khăn về tài chính, dòng tiền cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và giao cho Bộ Tư pháp nhiệm vụ: chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan, địa phương tăng cường triển khai các giải pháp hỗ trợ pháp lý, trong đó có giải quyết tranh chấp trong hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật là **“nhiệm vụ quan trọng, nặng nề nhưng thiết thực, cấp bách”** cho cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong bối cảnh hiện nay và trong thời gian tới kể cả giai đoạn hậu COVID-19 (khi tỷ lệ tiêm chủng đạt đến mức độ miễn dịch cộng đồng). Các nhiệm vụ, giải pháp này là nhu cầu cần hỗ trợ pháp lý của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong giai đoạn hiện nay và trong thời gian tới, khi dự báo là các tranh chấp trong hoạt động sản xuất, kinh doanh có thể sẽ tăng cao, nhiều hệ lụy sẽ xảy ra nhất là sau bối cảnh dịch bệnh COVID-19 khi trật tự và hoạt động kinh tế sẽ thay đổi mạnh mẽ trong nước và kinh tế thế giới sau giai đoạn Việt Nam và các nước trải qua thời gian giãn cách (cách ly tại nhà, giãn cách xã hội hoặc thậm chí đóng cửa quốc gia); Đại dịch COVID-19 gây ra nhiều khủng hoảng kinh tế và sinh kế, nhiều nền kinh tế sau đại dịch đã rơi vào suy thoái nghiêm trọng, đại dịch đã làm cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh bước vào thời kỳ cạnh tranh mới, khốc liệt hơn và **“ranh giới sống còn”** chưa bao giờ rõ nét hơn. Thực tế, nhiệm vụ hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp đã được Bộ Tư pháp triển khai hơn 10 năm nay (căn cứ vào Nghị định số 66/2008/NĐ-CP ngày 28/5/2008 của Chính phủ về

hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp) và đã tạo được “**dấu ấn**” trong cộng đồng doanh nghiệp, vì vậy, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh có thể “**kỳ vọng**” nhiều vào nhiệm vụ quan trọng này.

3. Giải pháp nhằm thực thi nhiệm vụ được giao của Bộ Tư pháp trong việc giao tăng cường triển khai các giải pháp hỗ trợ pháp lý, trong đó có giải quyết tranh chấp trong hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật

Nghị quyết số 105/NQ-CP của Chính phủ đã giao Bộ Tư pháp nhiệm vụ cụ thể nêu trên, để thực thi nhiệm vụ của Bộ Tư pháp được giao tăng cường triển khai các giải pháp hỗ trợ pháp lý, trong đó có giải quyết tranh chấp trong hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật, cần triển khai các giải pháp sau:

Thứ nhất, cần tập trung tuyên truyền mạnh mẽ nhiệm vụ hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Nhiệm vụ hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp của Bộ Tư pháp nói riêng và ngành Tư pháp nói chung đã được thực hiện hơn 10 năm qua và đã tạo được “**dấu ấn**” quan trọng trong cộng đồng doanh nghiệp, nhiệm vụ của Bộ Tư pháp được giao trong Nghị quyết số 105/NQ-CP của Chính phủ là nhiệm vụ quan trọng, đòi hỏi phải huy động đồng lòng của đội ngũ cán bộ, công chức Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cũng như cán bộ làm công tác pháp chế ở các bộ, ngành, các sở ban, ngành tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cũng như các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp (các hội, hiệp hội, câu lạc bộ...) cùng trách nhiệm, chia sẻ và quan tâm thực hiện nhiệm vụ tăng cường triển khai các giải pháp hỗ trợ pháp lý, trong đó có giải quyết tranh chấp trong hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật. Các hình thức tuyên truyền trong bối cảnh hiện nay có thể sử dụng các thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, sử dụng các kênh truyền thông, mạng xã hội để các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh

ng nghiệp khởi nghiệp sáng tạo có thể kịp thời tiếp cận hiệu của các hỗ trợ của Nhà nước.

Ngoài ra, Bộ Tư pháp cần quan tâm xây dựng “Đề án nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp giai đoạn 2021-2030” trình Thủ tướng Chính phủ năm 2022 nhằm có các giải pháp quyết liệt, cụ thể nhằm tuyên truyền mạnh mẽ nhiệm vụ hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; nâng cao nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp giai đoạn 2021-2030.

Thứ hai, quan tâm chỉ đạo đẩy mạnh việc triển khai các văn bản quy phạm pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Việc triển khai Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 (trong đó khoản 3 Điều 14 quy định về hỗ trợ thông tin, tư vấn và pháp lý), Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24/6/2019 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; Thông tư số 64/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước phục vụ hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa là những văn bản pháp lý quan trọng, là cơ sở pháp luật để Bộ Tư pháp tăng cường triển khai các giải pháp hỗ trợ pháp lý, trong đó có giải quyết tranh chấp trong hoạt động sản xuất, kinh doanh cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, cần tiếp tục nghiên cứu và có giải pháp đề xuất sửa đổi, bổ sung chế định về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (khoản 3 Điều 14) Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 theo Chương trình một Luật sửa nhiều Luật đang trình Quốc hội nhằm quy định rõ nét, hiệu quả hơn công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa hiện nay. Ngoài ra, cần có các giải pháp đẩy mạnh triển khai các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Nghị định số 55/2019/NĐ-CP, trong đó, đề nghị các bộ, ngành và địa phương sớm hoàn

thành việc ban hành Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp (các bộ, ngành lồng ghép vào Đề án; các địa phương ban hành Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp).

Thứ ba, huy động sự tham gia của đội ngũ Luật sư, Luật gia trong công tác hỗ trợ pháp lý, giải quyết tranh chấp trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Bộ Tư pháp đã xây dựng mạng lưới tư vấn viên pháp luật cho doanh nghiệp (Quyết định số 1322/QĐ-BTP ngày 01/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp phê duyệt danh sách cá nhân, tổ chức tham gia mạng lưới tư vấn viên pháp luật) gồm các Luật gia, Luật sư, Tư vấn viên pháp luật có kinh nghiệm trên cả nước để tư vấn giải quyết các tranh chấp kinh doanh cụ thể cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh. Với đội ngũ trên 15.000 Luật sư hiện nay, dưới tác động của dịch bệnh COVID-19 các Luật sư đang gặp rất nhiều khó khăn trong hoạt động (nhiều công ty luật, văn phòng luật sư giảm đến 90% công việc và nhân sự trong giai đoạn vừa qua do dịch vụ tư vấn pháp luật được đánh giá như ***“món ăn hải sản”*** trên bữa ăn mà trong giai đoạn khó khăn như hiện nay thì hầu hết các doanh nghiệp đều cắt giảm tối đa chi phí cho dịch vụ tư vấn pháp luật), trên cơ sở Nghị quyết số 105/NQ-CP, Bộ Tư pháp cần huy động sự tham gia tích cực của đối tượng này nhằm thúc đẩy thị trường dịch vụ pháp lý phục hồi sau bối cảnh dịch bệnh COVID-19.

Theo Điều 9 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP, mức hỗ trợ kinh phí tư vấn pháp luật qua mạng lưới tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp là: “a) Doanh nghiệp siêu nhỏ được hỗ trợ 100% chi phí tư vấn pháp luật theo văn bản thỏa thuận cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật giữa tư vấn viên pháp luật và doanh nghiệp, nhưng không quá 03 triệu đồng một năm; b) Doanh nghiệp nhỏ được hỗ trợ tối đa 30% chi phí tư vấn pháp luật theo văn bản thỏa thuận cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật giữa tư vấn viên pháp luật và doanh nghiệp, nhưng không quá 05 triệu đồng một năm; c) Doanh nghiệp vừa được hỗ trợ tối đa 10% chi phí tư vấn pháp luật theo văn bản thỏa thuận cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật giữa tư vấn viên pháp luật và doanh nghiệp, nhưng không quá

10 triệu đồng một năm”. Định mức này không cao, tuy nhiên, đây là phần hỗ trợ quan trọng của nhà nước đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tuy nhiên, cách thức thực hiện cần đơn giản hóa, nhanh gọn để doanh nghiệp nhỏ và vừa dễ dàng tiếp nhận được sự hỗ trợ này.

Thứ tư, phát huy hiệu quả mạng lưới tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa của Bộ Tư pháp và các bộ, ngành liên quan.

Theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP về việc xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật dữ liệu về văn bản tư vấn pháp luật của mạng lưới tư vấn viên pháp luật và thủ tục hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật. Doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận mạng lưới tư vấn viên pháp luật theo lĩnh vực quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ thông qua danh sách tư vấn viên pháp luật được đăng tải trên cổng thông tin của bộ, cơ quan ngang bộ đó. Hiện nay, Bộ Tư pháp và Bộ Công thương đã công bố danh sách mạng lưới tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Nghị định số 55/2019/NĐ-CP. Bộ Tư pháp đã ban hành 02 thủ tục hành chính trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Đề nghị các bộ, ngành tiếp tục hoàn thiện và sớm công bố mạng lưới tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Bộ Tư pháp cần có giải pháp phát huy hiệu quả mạng lưới tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa của Bộ Tư pháp và các bộ, ngành liên quan, nhất là việc bố trí kinh phí và thủ tục thanh quyết toán đơn giản, gọn nhẹ cho các tư vấn viên tham gia mạng lưới tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa của Bộ Tư pháp và các bộ, ngành liên quan để triển khai giải quyết tranh chấp trong hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Thứ năm, bố trí nguồn lực cho công tác hỗ trợ pháp lý, giải quyết tranh chấp trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Việc quan tâm bố trí nguồn lực (nhân lực, vật lực) để tăng cường triển khai công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cũng như giải pháp giải quyết tranh chấp trong hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật

là công việc quan trọng, cần ưu tiên trong giai đoạn hiện nay và trong thời gian tới, có như vậy, chúng ta mới có đầu mối, nguồn nhân lực, vật lực cụ thể để triển khai hiệu quả các nhiệm vụ Chính phủ giao trong Nghị quyết số 105/NQ-CP ***“tránh chủ trương, sáo rỗng”*** hỗ trợ cho doanh nghiệp không thiết thực, hiệu quả, cũng từ đây có các giải pháp cụ thể nâng cao hơn nữa hiệu quả hỗ trợ pháp lý, giải quyết tranh chấp trong hoạt động sản xuất, kinh doanh cho doanh nghiệp trong thời gian tới.

Bên cạnh đó, cần có các cơ chế xã hội hóa, khuyến khích sự tham gia, hỗ trợ của các Luật sư, tổ chức hành nghề tư vấn pháp lý đối với việc giải quyết tranh chấp trong hoạt động sản xuất, kinh doanh cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong bối cảnh hiện nay và trong thời gian tới; tăng cường kiểm tra, giám sát các hoạt động hỗ trợ pháp luật, tư vấn pháp lý cho doanh nghiệp; kịp thời có các chế định khen thưởng, động viên các cá nhân, tổ chức, nhất là các doanh nghiệp, tổ chức dịch vụ pháp lý, tổ chức đại diện cho doanh nghiệp trong công tác triển khai các giải pháp hỗ trợ pháp lý, trong đó có giải quyết tranh chấp trong hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật./.

Thực tiễn công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp của Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam và những kiến nghị đề xuất để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp giai đoạn 2021 – 2025

Lê Anh Văn¹⁰

Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam (VINASME) được thành lập năm 2005 là tổ chức đại diện cấp quốc gia của các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) trên toàn quốc thuộc mọi thành phần kinh tế - xã hội. Trải qua hơn 15 năm xây dựng và phát triển đến nay Hiệp hội đã có mạng lưới được phát triển đến 55 tỉnh hội doanh nghiệp nhỏ và vừa trên cả nước với khoảng 70.000 hội viên. Hoạt động của VINASME trong thời gian qua đã tập trung hướng đến các DNNVV, thực hiện giữ vai trò cầu nối giữa Nhà nước với doanh nghiệp, tham gia tư vấn, xây dựng chính sách pháp luật liên quan đến doanh nghiệp, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại, bồi dưỡng nguồn nhân lực, tôn vinh xét bình chọn các thương hiệu Sme tiêu biểu, tư vấn áp dụng hệ thống tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm hàng hóa theo tiêu chuẩn ISO hoặc OSSA. Tổ chức hệ thống bộ máy của Hiệp hội đến nay đã phát triển gồm 10 Trung tâm chuyên trách thực hiện dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp, 1 Viện nghiên cứu, 3 tổ chức báo chí, 3 Văn phòng đại diện tại Việt Nam, 2 Văn phòng đại diện tại nước ngoài. Đó là những lực lượng chuyên trách đang ngày đêm thực hiện chức năng hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong đó có hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

Thực hiện Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 và các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp. Hiệp hội đã và đang tích cực cùng với hệ thống mạng lưới từ cấp trung ương đến cơ sở hướng các hoạt động của mình đến các doanh nghiệp hội viên.

1. Vai trò của Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa trong công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

Kể từ khi VINASME được thành lập năm 2005 thì hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp luôn được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm và cơ bản nhằm hỗ trợ và bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp. Đặc biệt, kể từ khi Chính phủ ban hành Nghị định số 66/2008/NĐ-CP về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, Thủ tướng Chính phủ

¹⁰ Trung tâm hỗ trợ pháp luật và phát triển nguồn nhân lực, Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam.

ban hành Quyết định số 585/2008/QĐ-TTg ngày 05/05/2010 về việc phê duyệt Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành giành cho doanh nghiệp giai đoạn 2010 – 2015 (tiếp sau đó là Quyết định số 2139/QĐ-TTg về việc tiếp tục thực hiện Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp đã được phê duyệt theo Quyết định số 585/QĐ-TTg) do Bộ Tư pháp chủ trì thì công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được VINASME từ cấp trung ương đến địa phương được đẩy mạnh triển khai đồng bộ với nhiều hình thức hỗ trợ phong phú, đa dạng như: xây dựng Bản tin hỗ trợ pháp lý; biên soạn các cuốn cẩm nang pháp luật kinh doanh; tổ chức Tọa đàm/hội nghị đối thoại giải đáp vướng mắc pháp lý cho doanh nghiệp; tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật kinh doanh cho người quản lý doanh nghiệp; bồi dưỡng kỹ năng và nghiệp vụ cho cán bộ pháp chế doanh nghiệp; tư vấn, giải đáp pháp luật cho doanh nghiệp thông qua hệ thống mạng lưới tư vấn viên. Trong nhóm hoạt động hỗ trợ nêu trên thì hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp thông qua mạng lưới tư vấn pháp luật và bồi dưỡng kiến thức pháp luật kinh doanh cho doanh nghiệp được VINASME triển khai thường xuyên, liên tục, đặc biệt là từ năm 2014 với sự hỗ trợ kinh phí của Ban Quản lý Chương trình 585 (Bộ Tư pháp). Cụ thể:

2.1. Vai trò của VINASME trong xây dựng hệ thống mạng lưới tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp

Nhằm mục đích giúp doanh nghiệp nâng cao nhận thức, hiểu biết pháp luật, tạo thói quen tuân thủ và sử dụng pháp luật trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, đặc biệt nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp còn gặp khó khăn trong việc tiếp cận sử dụng các dịch vụ tư vấn pháp, ngày 29/10/2013 Bộ Tư pháp đã ban hành Quyết định 2582/QĐ – BQL về việc phê duyệt Đề án thiết lập mạng lập mạng lưới tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp tại các địa phương có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn – đặc biệt khó khăn. Đề án ban hành nhằm mục đích tổ chức triển khai có hiệu quả Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp theo Quyết định số 585/QĐ-TTg ngày 5/5/2010 và Quyết định số 2139/QĐ-TTg ngày 28/11/2014.

Quá trình triển khai các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong thời gian qua nói chung và hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp thông qua mạng lưới tư vấn viên đã đạt được những kết quả rất tích cực và lan tỏa sâu rộng tới cộng đồng doanh nghiệp. Tính đến thời điểm hiện tại, hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp thông qua mạng lưới tư vấn viên do VINASME triển khai đã được thiết lập, duy trì hơn 30 tỉnh thành trên cả nước với hơn

3000 vụ việc pháp lý được tư vấn, giải đáp thông qua điện thoại, văn bản và giải đáp pháp luật trên truyền hình.

Công tác triển khai xây dựng, duy trì mạng lưới tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp được sự hưởng ứng tham gia tích cực của các tổ chức đại diện doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, các Đoàn luật sư, tổ chức hành nghề luật sư, nhiều tổ chức hành nghề luật sư mong muốn cộng tác chuyên gia sâu và thường xuyên qua các năm. Hầu hết các chuyên gia là các cộng tác viên tư vấn của mạng lưới những người rất sát với thực tế công tác hỗ trợ tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp, đã tham gia trong tổ xây dựng các chính sách pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, đã tham gia hoặc đang công tác kiêm nhiệm làm chuyên gia cho một số Hiệp hội về công tác pháp chế.

Việc hình thành, thiết lập và duy trì mạng lưới trong thời gian qua được thực hiện thông qua nhiều hình thức: (1) Tổ chức Tòa đàm thiết lập, duy trì mạng lưới tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp và Tòa đàm trao đổi kinh nghiệm giữa cộng tác viên và mạng lưới và doanh nghiệp; (2) Tổ chức tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp qua Phiếu tư vấn, giải đáp pháp luật trên truyền hình theo từng vụ việc cụ thể. Nội dung tư vấn, giải đáp rất phong phú, đa dạng bao gồm tất cả các vấn đề pháp lý liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp như: quản trị doanh nghiệp; đầu tư, hợp đồng, thuế, lao động, bảo hiểm xã hội, sở hữu trí tuệ, đất đai, môi trường, cạnh tranh.

Đặc biệt trong từ năm 2019, 2020 hoạt động này được thực hiện chủ yếu thông qua tư vấn, giải đáp pháp luật trên Đài truyền hình các địa phương đã góp phần lan tỏa rộng rãi tới cộng đồng doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ về các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Vì việc thực hiện tư vấn pháp luật trên truyền hình không chỉ giúp tháo gỡ các khó khăn vướng mắc pháp lý doanh nghiệp đang gặp phải mà còn giúp các doanh nghiệp khác xem truyền hình rút ra được bài học pháp lý kinh nghiệm, từ đó sẽ có giải pháp phòng ngừa, khắc phục các rủi ro pháp lý có thể gặp phải trong tương lai, giúp doanh nghiệp trong quá trình tổ chức quản trị doanh nghiệp và ngay từ khi bắt đầu giao kết, thực hiện các giao dịch hợp đồng lựa chọn được những thỏa thuận, ứng xử phù hợp với quy định pháp luật và điều kiện sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

2.2. Vai trò của VINASME trong bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp

Trong giai đoạn vừa qua Việt Nam ngày càng tích cực hội nhập sâu rộng với nền kinh tế thế giới, nhiều Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới bao

gồm cả song phương, đa phương được Việt Nam tham gia ký kết đã có tác động tích cực đối với sự phát triển của các doanh nghiệp, góp phần tăng cơ hội xuất khẩu cho các doanh nghiệp trong nước và thu hút đầu tư nước ngoài. Cùng với đó, trước yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế thì hệ thống pháp luật kinh doanh của Việt Nam trong thời gian qua không ngừng được hoàn thiện tạo môi trường đầu tư, kinh doanh cho doanh nghiệp ngày càng thuận lợi, thông thoáng hơn, giúp doanh nghiệp trong nước phát huy được tối đa các lợi thế kinh doanh trong quá trình gia nhập thị trường cũng như mở rộng quy mô đầu tư, kinh doanh. Chính vì vậy, để hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp được an toàn, hạn chế tối đa các rủi ro pháp lý thì việc nắm bắt kịp thời các cam kết quốc tế cũng như quy định pháp luật trong nước liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh là hết sức cần thiết đối với mỗi chủ doanh nghiệp.

Thực tế cho thấy, doanh nghiệp muốn sản xuất kinh doanh an toàn, hiệu quả và ổn định thì cần phải có hiểu biết pháp luật và nền tảng pháp lý cơ bản vững chắc. Trong thời gian qua, với sự triển khai mạnh mẽ và đồng bộ các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp ở cả cấp trung ương và địa phương đã góp phần cải thiện rõ rệt nhận thức của doanh nghiệp về tầm quan trọng của việc hiểu biết và áp dụng pháp luật trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, nhiều doanh nghiệp đã tạo dựng được thói quen sử dụng các dịch vụ pháp lý hoặc tuyển dụng cán bộ pháp chế để tham mưu Lãnh đạo doanh nghiệp thực hiện công tác tổ chức và quản lý điều hành doanh nghiệp đảm bảo tính linh hoạt, đồng thời vẫn phù hợp với các quy định pháp luật. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn một bộ phận doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, doanh nghiệp mới thành lập (lực lượng doanh nghiệp chiếm tỷ lệ chủ yếu trong tổng số doanh nghiệp hiện nay) thì trình độ nhận thức pháp luật vẫn còn rất hạn chế, việc hiểu và áp dụng các quy định pháp luật trong hoạt động kinh doanh vẫn còn rất lúng túng.

Thực tế cho thấy, khi doanh nghiệp muốn tìm hiểu thì phần lớn tự tìm kiếm thông tin trên mạng internet hoặc trên báo chí và khó sàng lọc thông tin, dẫn đến việc có những quyết định mang nhiều tính tâm lý nên rủi ro cao. Chính vì vậy, nhằm giúp doanh nghiệp có sự nhận thức đầy đủ, đúng đắn các quy định pháp luật thông qua hoạt động bồi dưỡng pháp luật là rất cần thiết. Trên cơ sở sự hỗ trợ của Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành giành cho doanh nghiệp, Chương trình trợ giúp đào tạo, bồi dưỡng doanh nghiệp nhỏ và vừa và sự huy động từ các nguồn lực xã hội, trong thời gian qua VINASME đã tích cực, chủ động phối hợp với các Bộ, Ngành trung ương và

các Sở ngành, Hiệp hội địa phương tổ chức hơn **300** khóa đào tạo, bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho người quản lý doanh nghiệp và bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ pháp chế doanh nghiệp.

Nội dung những kiến thức pháp luật doanh nghiệp được bồi dưỡng rất phong phú, đa dạng, trong đó tập trung chủ yếu có nội dung liên quan trực tiếp đến quản lý, điều hành, hoạt động trong kinh doanh và sản xuất như: Hướng dẫn thi hành và giải đáp các vướng mắc pháp lý liên quan các Luật như: Luật Doanh nghiệp (sửa đổi), Luật Đầu tư (sửa đổi), Bộ luật lao động (sửa đổi), Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng; Các quy định pháp luật về hợp đồng, pháp luật về quyền tài sản, bảo vệ tài sản, giải quyết tranh chấp hợp đồng (cơ chế giải quyết tranh chấp bằng phương thức trọng tài thương mại, hòa giải thương mại, thực tiễn giải quyết tranh chấp các vụ việc tại các trung tâm trọng tài thương mại, hòa giải thương mại; Pháp luật về đầu tư (nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần tại các doanh nghiệp Việt Nam...). Pháp luật về tài chính - ngân hàng (ưu đãi thuế, lãi suất cho vay, thế chấp...); Pháp luật về sở hữu trí tuệ (tranh chấp nhãn hiệu, bảo vệ thương hiệu trước thực trạng hàng giả, hàng nhái, chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp...); Pháp luật về lao động (tranh chấp lao động, sử dụng và quản lý lao động nước ngoài tại Việt Nam, bồi thường phí đào tạo...); Pháp luật về thương mại quốc tế (doanh nghiệp với Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương CP TPP, EVFTA, Hiệp định Thương mại tự do FTA Việt Nam – Hàn Quốc, các Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế...).

Kết quả khảo sát doanh nghiệp sau các khóa bồi dưỡng pháp luật kinh doanh cho thấy các doanh nghiệp đều đánh giá cao chất lượng các hoạt động bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp do các cơ quan tổ chức trong thời gian qua. Theo ý kiến các doanh nghiệp, việc thực hiện bồi dưỡng thường xuyên kiến thức pháp luật kinh doanh mới cho doanh nghiệp là cần thiết, đa số các hoạt động bồi dưỡng kiến thức pháp luật kinh doanh cho doanh nghiệp thu hút được nhiều doanh nghiệp tham dự là do chuyên đề phù hợp với yêu cầu doanh nghiệp và chuyên gia bồi dưỡng kiến thức pháp luật có kinh nghiệm, kỹ năng thuyết trình, giải đáp các vướng mắc cho doanh nghiệp tham dự.

Trong quá trình tổ chức các khóa bồi dưỡng đã được các cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp đánh giá cao về chất lượng giảng viên, quy trình tổ chức, kịp thời cung cấp những kiến thức bổ ích cho người học, đặc biệt là nâng cao nhận thức của chủ sở hữu, người quản lý doanh nghiệp về vị trí vai

trò của cán bộ pháp chế trong doanh nghiệp, coi đó là phương tiện hữu hiệu để phòng ngừa các rủi ro pháp lý trong kinh doanh

2. Nâng cao vai trò của Hiệp hội trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trong gian đoạn tới.

Thế giới đang bước vào kỷ nguyên mới dựa trên nền tảng công nghệ số (CMCN lần thế 4) trong điều kiện nền kinh tế Việt Nam đã hội nhập sâu rộng với nền kinh tế thế giới. Tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.0 đến các chủ thể thuộc các loại hình kinh tế (DN, HTX, Hộ kinh tế,...) là vô cùng lớn. Vì vậy các chủ thể kinh doanh¹¹ trong đó có các doanh nghiệp nhỏ và vừa cần chuẩn bị nhân lực có khả năng hấp thụ thành quả của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, từng bước tự động hoá các công đoạn sản xuất, kinh doanh, tăng cường các biện pháp phòng ngừa rủi ro pháp lý, tổ chức tốt việc thi hành pháp luật.

Nhận thức được những tác động của cuộc CMCN lần thứ 4 đến Việt Nam, nếu chúng ta không biết không tận dụng, thì sẽ tiếp tục bị lỡ cơ hội để thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội phấn đấu đưa Việt Nam trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại trong tương lai gần. Vì vậy, Chính Phủ đã sớm có các chương trình cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, tạo điều kiện cho doanh nghiệp phát triển và khuyến khích mọi người đầu tư khởi nghiệp, phát triển kinh doanh. Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) được Quốc Hội thông qua vào 12/6/2017, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2018, đây được xem là một văn bản pháp lý cần thiết dành riêng cho cộng đồng DNNVV tại Việt Nam, trong đó giao Chính Phủ xây dựng một Nghị định riêng về Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Ngày 24/6/2019 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 55/2019/NĐ-CP về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, tạo một hành lang pháp lý quan trọng cho các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Vừa qua, Thủ Tướng Chính phủ đã ban hành một chương trình riêng về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp giai đoạn 2021 – 2025 (Quyết định số 81/QĐ – TTg ngày ngày 19/01/2021 về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa)

Đối với các Hiệp hội doanh nghiệp, với vai trò là các tổ chức đại diện của cộng đồng doanh nghiệp, thì việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên luôn là tôn chỉ và mục đích của Hiệp hội, điều này luôn được ghi nhận trong các điều lệ của Hiệp hội, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp lại có

¹¹ Các mô hình hoạt động kinh doanh dành cho các chủ thể tham gia là: thành lập DN, HTX, Hộ kinh doanh, các tổ chức pháp nhân khác...

một vị trí vô cùng quan trọng, vì, thực tế pháp luật bao trùm lên tất cả các lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp, có thể nói là theo sát vòng đời của doanh nghiệp (*từ khi khởi nghiệp đến quá trình sản xuất kinh doanh, cho đến giải thể phá sản, hoặc tổ chức lại*). Vì vậy để thu hút các doanh nghiệp hội viên, các Hiệp hội doanh nghiệp cần nâng cao vai trò hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên một số bình diện sau:

Thứ nhất: Tuyên truyền mạnh mẽ chính sách, pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Gần đây, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản, cơ chế chính sách để khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân. Nhiều chương trình hỗ trợ cho doanh nghiệp¹² đã được Chính Phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành tạo hành lang pháp lý về cơ chế chính sách cho các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp. Vì vậy các Hiệp hội doanh nghiệp cần tuyên truyền phổ biến cho cộng đồng doanh nghiệp thấy được những mục tiêu của Nhà nước cần ưu tiên trọng tâm, phát triển, cho cộng đồng doanh nghiệp thấy được các ưu đãi, hỗ trợ của nhà nước cho dành cho doanh nghiệp, thường xuyên khuyến cáo cho doanh nghiệp các tình huống rủi ro pháp lý có thể gặp phải trong quá trình hoạt động.

Thứ hai: Các Hiệp hội doanh nghiệp cần bám sát vào các nội dung hoạt động thuộc phạm vi chức năng của Hiệp hội để thực hiện các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp; Hiện nay, trong phạm vi theo chức năng của Hội doanh nghiệp được quy định tại Nghị định 45/2010/NĐ – CP quy định về quản lý và tổ chức hoạt động hội, Hiệp hội, các hội (sau đây gọi tắt là Hội), Luật hỗ trợ DNNVV, Nghị định 80/2021/NĐ – CP về hướng dẫn một số điều của Luật HTDNNVV, Nghị định 55/2019/NĐ – CP về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, Quyết định số 81/QĐ – TTg ngày ngày 19/01/2021 về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa). Hiệp hội có chức năng chủ trì hoặc phối với với các cơ quan nhà nước để triển khai các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp như bảo vệ quyền lợi hội viên, hỗ trợ pháp lý, xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp, bồi dưỡng nguồn nhân lực, xúc tiến thương mại... Những hoạt động này, các doanh nghiệp nhỏ và vừa rất cần và là nhu cầu chính đáng của doanh nghiệp.

Vì vậy, các Hiệp hội cần bám sát chức năng này Xây dựng các Đề án và kế hoạch triển khai, đề xuất các Cơ quan Nhà nước bố trí nhân sự, nguồn lực để hướng hoạt động của mình về các doanh nghiệp, trong đó có nội dung hỗ trợ pháp lý.

¹² Có khoảng 28 chương trình hỗ trợ doanh nghiệp đã và đang được triển khai.

Thứ ba: Tạo lập và kết nối các nguồn lực để hỗ trợ pháp lý cho những đối tượng doanh nghiệp: Trong điều kiện bối cảnh nguồn lực Nhà nước còn hạn hẹp, các chương trình hỗ trợ của nhà nước còn tản mạn chưa tập trung. Trong hoàn cảnh đó, Nhà nước đã ban hành một số các cơ chế huy động nguồn lực tư nhân, nguồn lực của các Hiệp hội để hình thành nên các Quỹ¹³, các Trung tâm chuyên trách theo Nghị định 77/2008/NĐ – CP về tổ chức và hoạt động của Trung tâm Tư vấn pháp luật để thực hiện hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Các Hiệp hội cần mạnh dạn đầu tư vào các mô hình này, huy động kênh kết nối giữa doanh nghiệp với các tổ chức hành nghề luật sư, các Đoàn luật sư, Hội luật gia để cùng tham gia hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

Thứ tư: Các Hiệp hội doanh nghiệp phải tích cực tham gia hơn nữa vào thực hiện chức năng góp ý với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tìm ra các giải pháp đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tạo dựng môi trường kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp gia nhập thị trường, giảm các chi phí đầu tư kinh doanh, từ đó giúp doanh nghiệp giảm giá thành sản phẩm dịch vụ, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa. Bên cạnh đó các Hiệp hội phải không ngừng tập hợp ý kiến góp ý, phản ánh, phản biện cơ chế chính sách với Chính phủ và các Bộ ngành liên quan để các chính sách do Chính phủ ban hành sát với thực tế, trong giai đoạn cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra sâu rộng, Hiệp hội nên tạo kênh thu thập phản ánh những kiến nghị về cơ chế chính sách, những vướng mắc pháp lý của hội viên trên cơ sở ứng dụng công nghệ số, kết nối internet vạn vật để khơi dậy động lực từ phía doanh nghiệp.

Thứ năm: Trong giai đoạn toàn cầu hóa, các hiệp hội có vai trò xây dựng các Bộ quy chế, quy tắc riêng dành cho doanh nghiệp trong ứng xử kinh doanh, giúp các doanh nghiệp trong việc nâng cao văn hóa trong kinh doanh, áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn theo TCVN và TCQT, hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa, an toàn vệ sinh lao động, tích cực tuyển chọn các Hội viên, thành viên ưu tú trong các tổ chức Hiệp hội để xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với các cơ quan Nhà nước;

Có thể nói các chủ thể doanh nghiệp là những đối tượng đa dạng đang mong muốn tham gia vào hoạt động kinh doanh dưới dạng các loại hình được pháp luật quy định. Các đối tượng này đang rất cần hỗ trợ pháp lý của Nhà nước và các Hiệp hội doanh nghiệp từ nhiều góc độ như: (i) hỗ trợ về giải quyết kiến nghị vướng mắc pháp lý; (ii) về nâng cao năng lực pháp luật cho

¹³ Quỹ bảo lãnh tín dụng cho DNNVV, Quỹ khởi nghiệp sáng tạo, các khu làm việc chung, các cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị..

các bộ pháp chế; (iii) về hỗ trợ giải quyết tranh chấp; (iv) hỗ trợ đàm phán ký kết hợp đồng; (v) tham gia mạng lưới tư vấn pháp luật để giải quyết các vướng mắc phát sinh trong kinh doanh... Chính vì vậy các Hiệp hội doanh nghiệp trên cơ sở vai trò, chức năng của mình cần tìm ra những giải pháp cụ thể, hữu hiệu để thực hiện chức năng hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, coi đó cũng là một cách thức thu hút hội viên cho Hiệp hội một cách bền vững, đó cũng là sứ mệnh cao cả của các Hiệp hội doanh nghiệp.

Với những hình thức và nội dung hỗ trợ đa dạng của Chương trình đã góp phần định hướng, nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật, giúp doanh nghiệp hoạt động và phát triển dựa trên một nền tảng pháp lý ổn định, chắc chắn, bền vững, lâu dài. Với sự hỗ trợ từ hệ thống mạng lưới tư vấn viên, doanh nghiệp yên tâm hơn về tính pháp lý trong mỗi hoạt động của mình, hạn chế được tình trạng vi phạm pháp luật do thiếu hiểu biết... Có thể khẳng định rằng, với chương trình hỗ trợ pháp lý này, mối quan hệ giữa cơ quan nhà nước và doanh nghiệp đã được cải thiện đáng kể.

PHỤ LỤC

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 105/NQ-CP

Hà Nội, ngày 09 tháng 9 năm 2021

NGHỊ QUYẾT **VỀ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ, HỘ KINH DOANH** **TRONG BỐI CẢNH DỊCH COVID-19**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 30/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa XV;

Căn cứ Nghị quyết số 268/NQ-UBTVQH15 ngày 6 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc cho phép Chính phủ ban hành Nghị quyết có một số nội dung khác với quy định của luật để đáp ứng yêu cầu phòng, chống dịch COVID-19;

Căn cứ Nghị định số 138/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ ban hành Quy chế làm việc của Chính phủ;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư và ý kiến thống nhất của các Thành viên Chính phủ,

QUYẾT NGHỊ:

Khu vực doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh¹⁴ luôn có vai trò, vị trí hết sức quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; đã có nhiều đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế, thu ngân sách nhà nước, kim ngạch xuất khẩu, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động, xóa đói giảm nghèo, ổn định xã hội; là mắt xích quan trọng trong mạng lưới sản xuất, chuỗi giá trị và là một trong những lực lượng nòng cốt trong việc tạo ra của cải, vật chất xã hội. Trong bối cảnh dịch COVID-19 tác động hết sức tiêu cực tới hoạt động sản xuất, kinh doanh, cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh vẫn phát huy tinh thần đoàn kết, tự lực, tự cường, quyết tâm, nỗ lực thích ứng với hoàn cảnh khó khăn để duy trì sản xuất, kinh doanh và việc làm cho người lao động; đồng thời, nêu cao tinh thần trách nhiệm, chia sẻ, đồng hành cùng các cấp, các ngành trong phòng, chống dịch

¹⁴ Các quy định về hộ kinh doanh trong Nghị quyết này áp dụng đối với hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh, có đăng ký thuế theo quy định pháp luật.

bệnh, hỗ trợ người dân, cộng đồng, tổ chức cứu trợ, vận chuyển và thực hiện các hoạt động thiện nguyện.

Chính phủ ghi nhận, đánh giá cao sự chung sức, đồng lòng, chia sẻ, tham gia tích cực, trách nhiệm và những nghĩa cử cao đẹp của cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh với Đảng, Nhà nước và Nhân dân bằng những đóng góp thiết thực, hiệu quả về nhiều mặt trong công tác phòng, chống dịch bệnh và phát triển kinh tế - xã hội.

Kể từ khi dịch COVID-19 bùng phát vào đầu năm 2020, Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo quyết liệt và ban hành kịp thời nhiều cơ chế, chính sách và giải pháp hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh¹⁵. Tuy nhiên, trong những tháng gần đây, tình hình dịch COVID-19 trong nước diễn biến hết sức phức tạp do biến chủng mới của vi-rút có tốc độ lây lan rất nhanh, độc lực lớn. Các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh vốn đã bị ảnh hưởng nặng nề và đang trong điều kiện rất khó khăn; các nguồn lực dự trữ đang cạn dần trong khi thị trường trong nước, quốc tế suy giảm mạnh và chưa có dấu hiệu phục hồi hoặc đang phục hồi rất chậm; sức chống chịu của khu vực doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tiếp tục suy giảm.

Lãnh đạo Đảng, Nhà nước thấu hiểu và chia sẻ với những khó khăn, thách thức mà cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đang phải đối mặt.

Để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc do tác động tiêu cực của dịch COVID-19, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh ổn định sản xuất, kinh doanh, hồi phục và tạo đà phát triển trong thời gian tới, Chính phủ yêu cầu các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là địa phương) khẩn trương quán triệt, thực hiện quyết liệt, hiệu quả những nội dung sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Nêu cao tinh thần tự lực, tự cường; huy động sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và người dân; mở rộng hợp tác quốc tế, đẩy mạnh ngoại giao vắc xin, thuốc chữa bệnh để có vắc xin, thuốc chữa bệnh sớm nhất, nhiều nhất có thể; quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt vì mục tiêu cao nhất là bảo vệ tính mạng, sức khỏe của người dân, đồng thời hỗ trợ, tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh nhưng phải bảo đảm an toàn phòng, chống dịch bệnh; không để xảy ra khủng hoảng kinh tế - xã hội, có lộ trình, kế hoạch cụ thể để

¹⁵ Như: Kết luận số 11-KL/TW ngày 13 tháng 7 năm 2021 của Hội nghị Trung ương 3 Khóa XIII, Nghị quyết số 30/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội; các Nghị định của Chính phủ số: 41/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020, 44/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021, 52/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2021; các Nghị quyết của Chính phủ số: 42/NQ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020, 154/NQ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020, 84/NQ-CP ngày 29 tháng 5 năm 2020; 63/NQ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2021, 68/NQ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2021.

doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh hoạt động trở lại, sớm đưa đất nước trở lại trạng thái bình thường mới. Tập trung nghiên cứu khoa học, phân tích thực tiễn và học hỏi kinh nghiệm quốc tế để xây dựng các giải pháp phù hợp, hiệu quả từng bước thích ứng an toàn với dịch bệnh.

2. Kiên trì, quyết liệt phòng, chống dịch COVID-19 theo phương châm “Chống dịch như chống giặc”; đảm bảo hài hòa, hợp lý, hiệu quả giữa phòng, chống dịch và sản xuất kinh doanh; “Chống dịch để sản xuất và sản xuất để chống dịch”, “Lợi ích hài hòa - rủi ro chia sẻ”, “An toàn mới sản xuất, sản xuất thì phải an toàn”; chú trọng hiệu quả, không phô trương hình thức, nói đi đôi với làm; lấy người dân, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh làm trung tâm phục vụ, đồng thời là chủ thể tham gia phòng, chống dịch.

3. Tiếp tục đồng hành cùng cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên nguyên tắc khó khăn, vướng mắc ở cấp nào, địa phương nào thì cấp đó, địa phương đó phải chủ động, kịp thời, tháo gỡ, giải quyết, đề cao trách nhiệm cá nhân, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, gây khó khăn cho sản xuất, kinh doanh, gây ùn tắc trong lưu thông hàng hóa; trường hợp vượt thẩm quyền, phải chủ động báo cáo cấp trên trực tiếp xem xét, xử lý; tập trung triển khai ngay các biện pháp tháo gỡ những điểm nghẽn, ách tắc với phương châm “sớm nhất - hiệu quả nhất” nhằm giảm thiểu thiệt hại, tác động tiêu cực đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và người dân.

4. Phát huy tính chủ động, sáng tạo trong việc áp dụng các mô hình sản xuất, kinh doanh hiệu quả và an toàn phòng, chống dịch. Tăng cường phối hợp giữa các bộ, ngành, cơ quan, địa phương, đơn vị, bảo đảm hiệu quả, thực chất trong xử lý các khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

5. Mở rộng và bảo vệ chặt chẽ vùng an toàn dịch bệnh nhằm thúc đẩy sản xuất, kinh doanh; kiểm soát dịch bệnh và sớm ổn định sản xuất, kinh doanh tại các vùng kinh tế trọng điểm, khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các khu vực, địa bàn sản xuất, kinh doanh, chế biến các sản phẩm nông nghiệp, thủy hải sản, kiên quyết không để đứt gãy chuỗi cung ứng sản xuất, cung ứng lao động.

II. MỤC TIÊU

1. Tập trung khôi phục, phát triển hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh gắn với bảo đảm an toàn phòng, chống dịch COVID-19.

2. Hỗ trợ, tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn cản trở hoạt động sản xuất, kinh doanh, giảm thiểu tối đa số doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tạm ngừng hoạt động, giải thể, phá sản do tác động bởi dịch COVID-19.

3. Đến hết năm 2021 phấn đấu đạt một số mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể sau:

- Luỹ kế ít nhất khoảng 01 triệu lượt khách hàng là doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được hưởng chính sách tín dụng hỗ trợ ứng phó dịch bệnh.

- Đại đa số các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh quay trở lại hoạt động.

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách gia hạn nộp thuế; miễn, giảm thuế, phí, tiền thuê đất; hỗ trợ giảm tiền điện, tiền nước, cước viễn thông, các chính sách hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động, đào tạo lao động,... cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh gặp khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

Căn cứ quan điểm, mục tiêu và tình hình thực tiễn nêu trên, Chính phủ quyết nghị các nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau đây:

1. Thực hiện quyết liệt, hiệu quả các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh phục hồi, duy trì và phát triển sản xuất, kinh doanh gắn với bảo đảm an toàn phòng, chống dịch

a) Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị:

- Tiếp tục phân bổ hợp lý, hiệu quả nguồn vắc xin phòng COVID-19 theo các Nghị quyết của Chính phủ, bổ sung các đối tượng ưu tiên tiêm, bao gồm người lao động của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tại các vùng kinh tế trọng điểm, khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu vực, địa bàn sản xuất, kinh doanh, chế biến các sản phẩm nông nghiệp, thủy hải sản, các doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng đang có đơn hàng sản xuất, hoạt động xuất, nhập khẩu, sử dụng nhiều lao động; các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh hoạt động trong lĩnh vực lưu thông hàng hóa, cảng biển; người làm việc tại các công trình trọng điểm quốc gia và địa phương; người lao động trong các lĩnh vực có nguy cơ cao. Tiếp tục bổ sung các đối tượng ưu tiên tiêm vắc xin phù hợp, đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất, kinh doanh trong những ngành, lĩnh vực cần thiết khác.

- Rà soát, sửa đổi các quy định về bảo hiểm y tế theo hướng cho phép bảo hiểm y tế được thanh toán các hoạt động khám, chữa bệnh từ xa có thu phí, trình Chính phủ, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội theo trình tự, thủ tục rút gọn trong tháng 9 năm 2021.

- Trong tháng 9 năm 2021, ban hành văn bản hướng dẫn việc doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh mua sinh phẩm, thiết bị xét nghiệm, thực hiện việc tự xét nghiệm và việc công nhận kết quả xét nghiệm.

- Nghiên cứu xây dựng cơ chế, hướng dẫn, tạo điều kiện, khuyến khích doanh nghiệp nhập khẩu vắc xin; Nhà nước thực hiện việc kiểm tra chất

lượng, cấp phép, bảo quản và tổ chức tiêm vắc xin miễn phí cho mọi người dân; mua máy móc, trang thiết bị, vật tư y tế phòng, chống dịch, thuốc điều trị COVID-19; sản xuất vắc xin, thuốc điều trị COVID-19 trong nước.

- Căn cứ vào tình hình kiểm soát dịch và mức độ bao phủ vắc xin trên địa bàn, hướng dẫn các địa phương thực hiện Chỉ thị 16 có lộ trình, kế hoạch cụ thể để các doanh nghiệp, hợp tác xã có thể hoạt động trở lại.

- Hướng dẫn cụ thể các địa phương về việc xét nghiệm và các điều kiện cần thiết đối với người lao động làm việc tại các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh để sớm được tham gia lưu thông và các hoạt động sản xuất kinh doanh.

b) Bộ Thông tin và Truyền thông:

- Phối hợp với Bộ Y tế, Bộ Công an và các bộ, ngành, địa phương, cơ quan liên quan khẩn trương phổ biến, tập huấn và đẩy mạnh triển khai kết nối nền tảng hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa tới 100% cấp huyện, cấp xã; ban hành sổ tay điện tử hướng dẫn ứng phó với COVID-19; xây dựng cổng thông tin về các văn bản chỉ đạo, điều hành chống dịch, công bố trong tháng 9 năm 2021, góp phần tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong công tác phòng, chống dịch.

- Chủ trì xây dựng nền tảng công nghệ số để tích hợp, hướng dẫn triển khai đồng bộ và thống nhất từ Trung ương đến địa phương phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19, trong đó có việc tiêm chủng, xét nghiệm, khai báo y tế, cấp luồng xanh, chứng chỉ xanh,... nhằm đảm bảo thông tin tập trung, chính thống, nhanh chóng, thuận lợi, an toàn cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và người dân, hoàn thành trong tháng 9 năm 2021.

- Chỉ đạo các cơ quan báo chí, phát thanh truyền hình thông tin, tuyên truyền kịp thời về tình hình dịch bệnh, chủ trương, chính sách, quy định của Đảng, Nhà nước và hướng dẫn của các cơ quan về phòng, chống dịch bệnh; củng cố niềm tin cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh ổn định sản xuất kinh doanh; nhân rộng những mô hình sản xuất kinh doanh hiệu quả, kinh nghiệm hay gắn với đảm bảo an toàn dịch bệnh.

- Tăng cường truyền thông về tác dụng, hiệu quả của việc tiêm chủng vắc xin; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tiếp cận hạ tầng công nghệ thông tin để phục vụ làm việc trực tuyến, từ xa; xử lý nghiêm việc đưa tin thiếu chính xác, chưa được kiểm chứng, xuyên tạc gây hoang mang trong Nhân dân theo quy định pháp luật.

c) Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với Bộ Y tế, các bộ, ngành, cơ quan, các doanh nghiệp liên quan xây dựng cơ chế đẩy mạnh việc nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, sản xuất vắc xin và thuốc điều trị COVID-19 tại Việt Nam.

d) Các địa phương chủ động chỉ đạo, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh vừa phòng, chống dịch, vừa duy trì ổn

định sản xuất, kinh doanh an toàn, hiệu quả; huy động các nguồn lực xã hội để hỗ trợ thiết thực, hiệu quả, góp phần đảm bảo an sinh xã hội, đời sống cho người lao động.

2. Đảm bảo ổn định sản xuất, lưu thông hàng hoá thông suốt, hiệu quả, an toàn, khắc phục gián đoạn chuỗi cung ứng

a) Bộ Giao thông vận tải:

- Hướng dẫn các địa phương thực hiện thống nhất “luồng xanh” vận tải đường bộ và đường thủy toàn quốc, liên tỉnh, liên vùng để vận chuyển hàng hóa an toàn, thông suốt trên nguyên tắc đơn giản hóa thủ tục, nhanh chóng, thuận lợi; khai thác lợi thế của việc vận chuyển hàng hóa bằng đường sắt trong chuỗi cung ứng sản phẩm; không quy định thêm các điều kiện, giấy phép cản trở lưu thông hàng hoá, đặc biệt đối với hàng hóa thiết yếu phục vụ đời sống người dân và vật tư, nguyên liệu sản xuất; không để xảy ra tiêu cực, làm tăng chi phí của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế và các bộ, ngành, địa phương, cơ quan liên quan ban hành hướng dẫn quy định về giao nhận, vận tải trong điều kiện phòng, chống dịch COVID-19, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong tháng 9 năm 2021.

b) Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan và các địa phương:

- Tăng cường quản lý thị trường, đảm bảo cân đối vật tư, hàng hoá quan trọng, thiết yếu đối với sản xuất và đời sống, không để lợi dụng tăng giá.

- Tăng cường cung cấp thông tin thị trường, nhu cầu xuất, nhập khẩu hàng hoá của các nước; hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tham gia chương trình xúc tiến thương mại trực tuyến; kết nối cung cầu, hội chợ triển lãm trên môi trường số; tiếp tục hỗ trợ các địa phương đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp tại thị trường trong nước và mở rộng xuất khẩu sang các thị trường còn dư địa lớn.

c) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Công thương, các địa phương, hiệp hội, ngành hàng tổng hợp tình hình sản xuất, tiêu thụ, hoạt động của các doanh nghiệp, hợp tác xã chế biến, hộ kinh doanh trong lĩnh vực nông, lâm, thủy sản; chủ động, kịp thời triển khai các giải pháp tháo gỡ, không để đứt gãy sản xuất, đảm bảo cung ứng, tiêu thụ, nhất là lương thực, thực phẩm, các sản phẩm tiêu dùng thiết yếu khi thực hiện các biện pháp giãn cách xã hội trong phòng, chống dịch bệnh.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Công thương nghiên cứu, đề xuất biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh chuyển sang sản xuất và phân phối các sản phẩm nông sản theo phương thức đặt hàng tương lai để cung

cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu thông qua việc tổng hợp, dự báo sản lượng, chất lượng hàng hóa và liên kết chào bán.

d) Bộ Tài chính chỉ đạo Tổng cục Hải quan:

- Áp dụng Điều 50 Luật Hải quan năm 2014 về thủ tục hải quan đối với hàng hóa phục vụ yêu cầu khẩn cấp để thông quan nhanh đối với hàng hóa viện trợ, biếu, tặng từ nước ngoài hoặc hàng hóa do các tổ chức, cá nhân trong nước nhập khẩu để ủng hộ, hỗ trợ, tài trợ, biếu tặng cho Chính phủ, Bộ Y tế, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, thành phố để phục vụ công tác phòng chống dịch, điều trị, khám chữa bệnh.

- Cho phép doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được nộp bản sao scan có xác nhận bằng chữ ký số đối với các chứng từ phải nộp bản giấy là bản chính dưới dạng giấy/bản sao y công chứng/chứng thực theo quy định của các bộ, cơ quan để giải quyết ách tắc khi thông quan hàng hoá; các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh thực hiện nộp bổ sung sau khi hàng hoá được thông quan để hậu kiểm.

- Hướng dẫn các cục, chi cục hải quan địa phương bố trí đủ nguồn lực để tổ chức thông quan liên tục, kịp thời, an toàn, đáp ứng kịp thời yêu cầu của doanh nghiệp sản xuất, gia công linh kiện thuộc lĩnh vực điện tử, công nghệ cao; doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh nhập khẩu hàng thiết yếu cho công tác phòng, chữa bệnh, thực phẩm dinh dưỡng y tế và sữa cho trẻ em.

đ) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chỉ đạo, theo dõi, đôn đốc các tổ chức tín dụng triển khai, thực hiện các giải pháp hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn về vốn vay cho các thương nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh thu mua, tạm trữ thóc, gạo, nhất là tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

e) Các địa phương:

- Cùng với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, chủ động nghiên cứu, thống nhất phương án, điều kiện tổ chức sản xuất, kinh doanh an toàn, thích ứng với diễn biến dịch bệnh ở địa phương và điều kiện thực tế của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh; chủ động quyết định và chịu trách nhiệm về việc cho phép doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh hoạt động trở lại khi đáp ứng điều kiện an toàn phòng, chống dịch; hạn chế tối đa đóng cửa toàn nhà máy, hợp tác xã, hộ kinh doanh nhưng phải an toàn phòng, chống dịch; huy động tối đa các nguồn lực hiện có, nhất là hợp tác công tư để hỗ trợ cho người lao động tại các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, góp phần bảo đảm an sinh xã hội, an toàn cho người lao động.

- Đánh giá đầy đủ khả năng của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong việc đáp ứng yêu cầu an toàn phòng chống dịch khi áp dụng các mô hình: “Một cung đường, hai điểm đến”, “Ba tại chỗ”, “Ba cùng”... và các mô hình phù hợp để áp dụng khi đáp ứng điều kiện an toàn, phù hợp với thực tiễn địa phương.

- Vận dụng sáng tạo, linh hoạt cách làm hay, mô hình hiệu quả vào thực tế địa phương; kịp thời báo cáo Ban Chỉ đạo phòng chống dịch Quốc gia, Tổ công tác đặc biệt của Thủ tướng Chính phủ về tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và người dân bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 để hỗ trợ, giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh.

- Tập trung tháo gỡ triệt để tình trạng ách tắc, đứt gãy chuỗi cung ứng, vận chuyển hàng hóa do bất cập trong thực thi các quy định, thủ tục về phòng, chống dịch COVID-19, tuân thủ các quy định, hướng dẫn của Trung ương; không tạo ra các loại giấy phép “con”, các điều kiện cản trở lưu thông hàng hóa, không để xảy ra tiêu cực, làm tăng chi phí của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

- Tăng cường phối hợp tổ chức các hoạt động giao thương, kết nối cung cầu hàng hóa, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh quảng bá, giới thiệu sản phẩm, đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm, nhất là các mặt hàng nông sản.

3. Hỗ trợ cắt giảm chi phí, tháo gỡ khó khăn về tài chính, dòng tiền cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh

a) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan khẩn trương trình cấp có thẩm quyền và Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc ban hành chính sách liên quan đến giảm mức đóng hoặc hỗ trợ từ kết dư quỹ bảo hiểm xã hội ngắn hạn nhằm kịp thời hỗ trợ cho người lao động, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và các đối tượng sử dụng lao động khác, hoàn thành trong tháng 9 năm 2021.

- Chỉ đạo, hướng dẫn Bảo hiểm xã hội Việt Nam nghiên cứu, đề xuất miễn tiền phạt chậm nộp bảo hiểm xã hội phát sinh trong năm 2020 và năm 2021 theo quy định, hoàn thành trong tháng 9 năm 2021.

b) Bộ Giao thông vận tải:

- Trong tháng 9 năm 2021, chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan có liên quan xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định chính sách giá dịch vụ liên quan đến hoạt động hàng không nhằm hỗ trợ các hãng hàng không trong giai đoạn đang bị tác động tiêu cực của dịch COVID-19.

- Yêu cầu các doanh nghiệp vận tải biển niêm yết công khai, minh bạch về giá cước vận tải biển; tăng cường các biện pháp quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp vận tải biển, chống tình trạng lợi dụng tình hình dịch COVID-19 để tăng giá cước vận tải bất hợp lý, tăng gánh nặng chi phí cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh; đồng thời, phối hợp với Bộ Công Thương, các hiệp hội, đơn vị liên quan nâng cao năng lực đàm phán, công khai, minh bạch về giá cước và phụ thu ngoài giá cước dịch vụ vận chuyển hàng hoá bằng đường biển.

c) Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan khẩn trương tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 97/NQ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về phương án hỗ trợ giảm tiền điện, giảm giá điện (đợt 5) cho các khách hàng sử dụng điện theo đúng trình tự, thủ tục và quy định pháp luật; bảo đảm chặt chẽ, đúng đối tượng, không để bị trục lợi chính sách.

d) Bộ Tài chính:

- Khẩn trương triển khai các chính sách về giãn, giảm thuế, phí, lệ phí và tiền thuê đất sau khi được cấp có thẩm quyền ban hành; triển khai chính sách thuế ưu đãi đối với hàng hóa nhập khẩu để tài trợ phục vụ phòng, chống dịch COVID-19 sau khi được Chính phủ thông qua.

- Xem xét, nghiên cứu trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tiếp tục gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước đến hết năm 2021; nghiên cứu, đánh giá tác động để xem xét việc giảm lệ phí trước bạ đối với ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước theo thời gian phù hợp với tình hình dịch COVID-19.

đ) Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp và các bộ, cơ quan liên quan sớm cho phép doanh nghiệp dịch vụ lữ hành được giảm 80% tiền ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành đến hết năm 2023, giảm thời gian giải quyết hoàn trả tiền ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành từ 60 ngày xuống còn 30 ngày.

e) Bộ Tài nguyên và Môi trường:

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp báo cáo Chính phủ trong tháng 9 năm 2021 về việc gia hạn nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đang khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

- Báo cáo Chính phủ trong tháng 9 năm 2021 về việc áp dụng hậu kiểm đối với các thủ tục hành chính, cấp phép trong lĩnh vực môi trường trong thời gian dịch COVID-19, cho phép thực hiện cấp phép trên cơ sở xem xét hồ sơ và ý kiến đồng thuận của cơ quan quản lý chuyên môn tại địa phương mà không phải tổ chức kiểm tra, khảo sát thực tế tại các cơ sở, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh. Việc kiểm tra sẽ được thực hiện sau khi các địa phương kiểm soát được dịch bệnh; thực hiện thu hồi ngay giấy phép đối với trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh vi phạm quy định pháp luật.

g) Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan, địa phương tăng cường triển khai các giải pháp hỗ trợ pháp lý, trong đó có giải quyết tranh chấp trong hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật.

h) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam:

- Tiếp tục điều hành chủ động, linh hoạt chính sách tiền tệ, gắn kết chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách vĩ mô khác nhằm kiểm

soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ tăng trưởng, góp phần thúc đẩy phục hồi và phát triển sản xuất, kinh doanh; khuyến khích tổ chức tín dụng tiết giảm chi phí để tiếp tục giảm lãi suất cho vay đối với các khoản vay hiện hữu và khoản vay mới nhằm hỗ trợ sản xuất, kinh doanh.

- Khẩn trương nghiên cứu sửa đổi, bổ sung chính sách quy định về cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi phí, giữ nguyên nhóm nợ đối với khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 theo hướng mở rộng đối tượng, phạm vi, thời gian được áp dụng chính sách cho phù hợp với diễn biến thực tế của dịch bệnh, hoàn thành trong tháng 9 năm 2021.

- Trong tháng 9 năm 2021, chủ trì phối hợp với các Bộ, cơ quan có liên quan xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định các cơ chế về hỗ trợ tín dụng giúp các hãng hàng không giải quyết thanh khoản, đảm bảo nguồn lực để duy trì và phát triển.

i) Đề nghị Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam:

- Xem xét miễn nộp đoàn phí công đoàn cho đoàn viên tại doanh nghiệp, hợp tác xã bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 trong năm 2021 và 2022 để người lao động có thêm điều kiện khắc phục khó khăn, gắn bó với doanh nghiệp, hợp tác xã.

- Báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho phép doanh nghiệp, hợp tác xã bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 được giảm đóng kinh phí công đoàn trong năm 2021 và 2022 theo trình tự, thủ tục rút gọn.

- Trong quá trình sửa đổi Luật Công đoàn, nghiên cứu, đánh giá tác động để xem xét giảm mức đóng kinh phí công đoàn.

- Đề xuất bổ sung các giải pháp thiết thực để hỗ trợ người lao động, chia sẻ, đồng hành với doanh nghiệp, hợp tác xã vượt qua khó khăn do dịch COVID-19

k) Các địa phương:

- Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương và nguồn huy động đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân cho phòng, chống dịch COVID-19, quyết định việc hỗ trợ một phần hoặc toàn bộ chi phí xét nghiệm COVID-19 cho người lao động tại các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đóng trên địa bàn thông qua các cơ sở xét nghiệm.

- Xem xét giảm mức phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu, cảng biển loại I và IA trên địa bàn cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh có hoạt động xuất, nhập khẩu theo tình hình thực tế của dịch COVID-19 và lùi thời gian bắt đầu thu phí tại khu vực cửa khẩu và cảng biển nêu trên đối với địa phương chưa thực hiện thu phí để hỗ trợ giảm chi phí cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

4. Tạo điều kiện thuận lợi về lao động, chuyên gia

a) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Trong tháng 9 năm 2021, chỉ đạo các địa phương thực hiện linh hoạt, nói lỏng một số quy định, điều kiện về việc cấp, gia hạn, xác nhận giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam phù hợp với bối cảnh mới nhưng phải tuyệt đối an toàn về phòng, chống dịch COVID-19, cụ thể:

+ Quy định tại điểm a khoản 3 Điều 3 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP thực hiện như sau: Có bằng đại học trở lên hoặc tương đương và có ít nhất 3 năm kinh nghiệm làm việc phù hợp với vị trí công việc mà người lao động nước ngoài dự kiến làm việc tại Việt Nam.

+ Quy định tại điểm a khoản 6 Điều 3 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP thực hiện như sau: Được đào tạo chuyên ngành kỹ thuật hoặc chuyên ngành khác ít nhất 01 năm và có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm việc phù hợp với vị trí công việc mà người lao động nước ngoài dự kiến làm việc tại Việt Nam.

+ Quy định tại điểm b khoản 4 Điều 9 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP thực hiện như sau: Giấy tờ chứng minh chuyên gia, lao động kỹ thuật theo quy định tại khoản 3, 6 Điều 3 Nghị định này, là: Văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận; văn bản xác nhận của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tại nước ngoài về số năm kinh nghiệm của chuyên gia, lao động kỹ thuật hoặc giấy phép lao động đã được cấp để chứng minh kinh nghiệm.

+ Quy định tại điểm d khoản 3 Điều 8, khoản 7 Điều 9, khoản 5 Điều 17 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP thực hiện như sau: Bản sao hộ chiếu còn giá trị theo quy định của pháp luật.

+ Cho phép người lao động nước ngoài đã được cấp giấy phép lao động và đang còn hiệu lực được cử, điều động hoặc biệt phái đến làm việc tại tỉnh, thành phố khác với thời hạn không quá 06 tháng và người sử dụng lao động phải báo cáo với cơ quan quản lý lao động nơi người lao động nước ngoài đến làm việc mà không phải làm lại giấy phép lao động.

- Nghiên cứu đề xuất cấp có thẩm quyền theo trình tự, thủ tục rút gọn trong tháng 9 năm 2021 về việc cho phép doanh nghiệp, hợp tác xã thỏa thuận với người lao động điều chỉnh tăng thời gian làm thêm giờ/tháng phù hợp với diễn biến dịch COVID-19 với điều kiện đảm bảo tổng số giờ làm thêm không quá 300 giờ/năm.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan khẩn trương trình Chính phủ sửa đổi Nghị quyết 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 theo trình tự, thủ tục rút gọn theo hướng giảm điều kiện, đơn giản hóa tối đa thủ tục, mở rộng đối tượng, rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ, tạo điều kiện thuận lợi để người lao động và người sử dụng lao động tiếp cận chính sách, hoàn thành trong tháng 9 năm 2021.

b) Bộ Y tế hướng dẫn quy trình về cách ly y tế an toàn để các địa phương thực hiện thống nhất, tạo thuận lợi cho việc tiếp nhận lao động đến và trở về từ các địa phương khác trong tháng 9 năm 2021.

c) Bộ Ngoại giao:

- Tiếp tục thực hiện quyết liệt “Ngoại giao vắc xin”; vận động, thúc đẩy đối tác cung cấp vắc xin đúng cam kết về số lượng và thời hạn, sớm chuyển giao công nghệ sản xuất vắc xin và thuốc điều trị COVID-19, hỗ trợ trang thiết bị, vật tư, sinh phẩm y tế.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan, địa phương báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định trong tháng 9 năm 2021 việc áp dụng cơ chế đặc biệt về kiểm soát y tế, phòng dịch sau khi nhập cảnh đối với một số trường hợp đặc thù nhưng phải bảo đảm an toàn chống dịch hiệu quả.

- Đẩy nhanh việc đàm phán, công nhận lẫn nhau về “Hộ chiếu vắc xin” với các quốc gia, vùng lãnh thổ, đối tác nhằm mở cửa nền kinh tế khi điều kiện cho phép, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong tháng 9 năm 2021.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ trong Tổ công tác 05 Bộ và các cơ quan, địa phương liên quan tiếp tục rà soát quy trình, giải quyết thuận lợi việc nhập cảnh đối với các chuyên gia, nhà đầu tư nước ngoài và thân nhân vào Việt Nam, đảm bảo tuyệt đối an toàn phòng, chống dịch.

d) Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn bằng cấp của giáo viên nước ngoài giảng dạy tại cơ sở đào tạo ngắn hạn, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đại học theo hướng phù hợp với thông lệ quốc tế và quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Luật Giáo dục nghề nghiệp.

đ) Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất, báo cáo Thủ tướng Chính phủ về cơ chế chính sách, quy hoạch, đầu tư xây dựng khu nhà ở, lưu trú cho công nhân, người lao động làm việc tại các khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các cơ sở sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp...

e) Các địa phương:

- Áp dụng thống nhất quy định cách ly y tế tập trung đối với người nhập cảnh theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

- Nghiên cứu có giải pháp hỗ trợ cho các doanh nghiệp tại địa phương thu hút lực lượng lao động quay trở lại làm việc trong các khu công nghiệp, khu kinh tế, các cơ sở sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp; chủ động xây dựng phương án hỗ trợ giải quyết việc làm cho người lao động từ các địa phương khác trở về, góp phần đảm bảo an sinh cho người lao động và trật tự an toàn, xã hội.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo chức năng, nhiệm vụ được giao:

a) Trực tiếp chỉ đạo, khẩn trương tổ chức thực hiện kịp thời, hiệu quả Nghị quyết này, đề cao trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu; kịp thời động viên, khen thưởng những người dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, chủ động đổi mới, sáng tạo, linh hoạt trong thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh, kết hợp tháo gỡ các điểm nghẽn cản trở hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh; tuyên truyền, hướng dẫn, vận động người dân, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh thực hiện các quy định, xử lý nghiêm các trường hợp không tuân thủ, bảo đảm phòng ngừa, ngăn chặn, nghiêm cấm tình trạng tham nhũng, tiêu cực.

b) Chỉ đạo việc tạm dừng, giãn, hoãn các cuộc kiểm tra, thanh tra doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh chưa cần thiết đã có trong kế hoạch năm 2021 và tổ chức thực hiện vào thời gian phù hợp sau khi dịch COVID-19 được kiểm soát.

c) Chịu trách nhiệm thực hiện kịp thời, hiệu quả các nhiệm vụ được giao đúng tiến độ và thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

d) Bố trí đầu mối chuyên trách, chuyên nghiệp để kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc, kiến nghị của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong phạm vi ngành, lĩnh vực, địa bàn được giao quản lý hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

đ) Xử lý nghiêm theo quy định các trường hợp cán bộ, công chức gây khó khăn, những nhiễu doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

e) Sau khi ban hành các chính sách, giải quyết tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

2. Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam, các hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề kịp thời nắm bắt, tổng hợp các khó khăn, vướng mắc, kiến nghị của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh gửi cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết, đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp.

3. Các tổ chức, hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành hàng, liên minh hợp tác xã tiếp tục phát huy hơn nữa vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã thành viên, hộ kinh doanh; bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng, hợp pháp của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh; đẩy mạnh các hoạt động kết nối, chia sẻ thông tin; tăng cường công tác xúc tiến thương mại, đầu tư, đào tạo nhân lực, tư vấn, hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh vượt qua khó khăn, phát triển sản xuất kinh doanh.

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ, các bộ, cơ quan liên quan, các địa phương đơn đốc, kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết; kịp thời báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ những vấn đề phát sinh.

- Thực hiện sơ kết, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết này đến hết năm 2021, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong tháng 01 năm 2022.

5. Chính phủ kêu gọi cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh phát huy tinh thần yêu nước, bản lĩnh, khát vọng và giá trị “Tâm - Tài - Trí - Tín” của đội ngũ doanh nhân tự lực, tự cường vượt qua khó khăn, thách thức, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, phát triển bền vững, đoàn kết, chung tay, chung sức, đồng hành cùng các cấp, các ngành, các địa phương và Nhân dân cả nước chiến thắng dịch bệnh, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra.

6. Trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết này, trường hợp phát sinh vướng mắc vượt thẩm quyền, các bộ, cơ quan, địa phương kịp thời báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

V. HIỆU LỰC THI HÀNH

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm trực tiếp trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Tỉnh ủy, Thành ủy, HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

(đã ký)

Phạm Minh Chính

Nam;

- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;
- VCCI, Hiệp hội DNNVV;
- VPCP: BTCX các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ
Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc,
Công báo;
- Lưu: VT, DMDN (2b).

**Giải pháp nâng cao hiệu quả của hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật
cho người lao động tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa phục hồi sản xuất
kinh doanh trong đại dịch COVID - 19**

**Đồng chí Ngô Quỳnh Hoa
Phó Vụ trưởng Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật,
Bộ Tư pháp**

I. Thực trạng công tác PBGDPL cho người lao động trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong đại dịch COVID – 19

1. Một số ảnh hưởng của đại dịch covid đối với NLD tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa

Diễn biến phức tạp của dịch COVID-19 lần thứ 4 và thời gian giãn cách xã hội kéo dài ở nhiều địa phương đã đẩy tỷ lệ thất nghiệp quý III/2021 vượt xa con số 2% như thường thấy. Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi của khu vực thành thị là 5,54%, tăng 2,18 điểm phần trăm so với quý trước và tăng 1,6 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước. Đặc biệt, tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên từ 15-24 tuổi quý III/2021 là 8,89%, tăng 1,42 điểm phần trăm so với quý trước và tăng 0,75 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên khu vực thành thị là 12,71%, cao hơn 5,56 điểm phần trăm so với khu vực nông thôn. Theo Tổng cục Thống kê, trung bình trong 9 tháng năm 2021, số người thất nghiệp trong độ tuổi lao động là hơn 1,3 triệu người, tăng 126,5 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động là 2,99%, tăng 0,35 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị là 4,02%, cao hơn 1,64 điểm phần trăm so với khu vực nông thôn. Tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên trong độ tuổi từ 15-24 tuổi là 7,9%, tăng 0,13 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên khu vực thành thị là 10,79%, tăng 0,26 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước¹.

Đại dịch covid khiến người lao động bị mất việc làm, đồng thời là ảnh hưởng đến thu nhập của các hộ gia đình: “Tác động kéo dài của đại dịch đến các hộ gia đình đã trở nên rõ nét, thậm chí, ngay từ trước khi đợt dịch COVID-19 bùng phát vào tháng 4, vào thời điểm tháng 3 năm 2021, 30% hộ gia đình có thu nhập thấp hơn so với tháng 3 năm 2020. Khoảng 12% các hộ gia đình này rơi vào tình trạng khó khăn tài chính khi họ bị mất ít nhất 50% thu nhập. Nữ giới và các hộ ở nhóm 20% có thu nhập thấp nhất trải qua quá trình phục hồi thu nhập chậm nhất. Khu

¹ Đại dịch COVID-19 khiến hàng triệu lao động mất việc và thiếu việc làm, Hà Nội, TTXVN ¹ngày 12/10

vực kinh tế phi chính thức thường gắn liền với an ninh thu nhập thấp hơn, năng suất lao động thấp hơn, và khả năng tiếp cận tài chính hạn chế, mặc dù ít nhiều đã được tiếp cận mạng lưới an sinh xã hội”².

Covid không những ảnh hưởng tới người lao động (NLĐ) về mặt việc làm, thu nhập mà còn ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận pháp luật của NLĐ, giảm các điều kiện, cơ chế, cách thức để tiếp cận pháp luật, từ đó ảnh hưởng đến nhận thức pháp luật, đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của mình. Chính vì vậy, trong hoàn cảnh này việc PBGDPL cho NLĐ càng quan trọng hơn bao giờ hết.

2. Công tác PBGDPL cho người lao động trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa

Những năm qua, công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) đã và đang khẳng định vai trò ngày càng quan trọng trong quá trình tổ chức thực hiện pháp luật, trở thành cầu nối để đưa pháp luật vào cuộc sống, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, quản lý xã hội bằng pháp luật. Xác định người lao động trong các doanh nghiệp là một đối tượng đặc thù được theo Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật. Hàng năm Bộ Tư pháp đã có văn bản hướng dẫn, chỉ đạo lồng ghép nhiệm vụ PBGDPL cho các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp nhỏ và vừa nói riêng trong các chương trình, Kế hoạch, Đề án về PBGDPL như: Kế hoạch của Hội đồng phối hợp PBGDPL Trung ương, của ngành Tư pháp, các Đề án về PBGDPL³, trong đó chú trọng định hướng triển khai công tác này bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú, qua đó bảo đảm thực hiện đầy đủ quyền được thông tin về pháp luật của người lao động. Bên cạnh đó, Bộ Tư pháp có văn bản hướng dẫn, đôn đốc Bộ, ngành địa phương tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến nội dung cơ bản của luật, pháp lệnh mới⁴. Đặc biệt trong bối cảnh covid hiện nay, NLĐ đã gặp rất nhiều khó khăn về việc làm, thu nhập, tiếp cận với các vấn đề an sinh xã hội, văn hóa, tinh thần và tiếp cận với pháp luật...Xác định được vấn đề quan trọng nêu trên, Bộ Tư pháp đã kịp thời ban hành các văn bản hướng dẫn về PBGDPL về

² Covid ảnh hưởng sâu sắc tới người lao động- <https://dangcongsan.vn/kinh-te/covid-19-anh-huong-sau-sac-den-doi-song-nguoi-lao-dong-594893.html>

³ Quyết định số 2708/QĐ-BTP ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2018; Quyết định số 282/QĐ-HĐPH ngày 13/02/2018 ban hành Kế hoạch của Hội đồng phối hợp PBGDPL Trung ương năm 2018; Quyết định số 3121/QĐ-BTP ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2019; Quyết định số 515/QĐ-HĐPH ngày 4/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch hoạt động của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật Trung ương năm 2019; Quyết định số 26/QĐ-HĐPH ngày 06/01/2020 về Kế hoạch hoạt động của Hội đồng Trung ương năm 2020; Quyết định số 3195/QĐ-BTP ngày 30/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2020

⁴Công văn số 2247/BTP-PBGDPL ngày 30/6/2017 hướng dẫn tuyên truyền, phổ biến các Luật, Nghị quyết được thông qua tại kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XIV.

phòng chống covid để chỉ đạo thực hiện thống nhất trên toàn quốc. Nội dung phổ biến tập trung vào các quy định pháp luật hỗ trợ cho NLĐ bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh covid; nội dung pháp luật gắn với quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động, người sử dụng lao động khi tham gia lao động, pháp luật về việc làm, an toàn vệ sinh lao động, chế độ tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, pháp luật công đoàn và các quy định khác của pháp luật về lao động; các văn bản chính sách mới hỗ trợ cho các doanh nghiệp gặp khó khăn trong tình hình dịch bệnh Covid... Những nội dung này được triển khai thông qua nhiều hình thức như bộ công cụ truyền thông gồm tài liệu, sách, tờ gấp, tiểu phẩm pháp luật, clip pháp luật, thực hiện trên các phương tiện thông tin đại chúng, thi tìm hiểu pháp luật... Bộ Tư pháp đã phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tiếp tục tăng cường PBGDPL về phòng, chống dịch Covid -19, cụ thể như tổ chức biên soạn và phối hợp với các bộ, ngành đăng tải trên Trang Thông tin phổ biến, giáo dục pháp luật 15 cuốn tài liệu, 40 infographic, 14 video clip hướng dẫn các quy định về phòng chống bệnh truyền nhiễm, quy định pháp luật về cách ly, chế tài hành vi vi phạm pháp luật về phòng chống dịch bệnh... cho người dân nói chung và cho người lao động, người sử dụng lao động tại các doanh nghiệp nói riêng....đặc biệt, trong bối cảnh covid, PBGDPL thông qua ứng dụng công nghệ thông tin như thực hiện trên trang/cổng thông tin điện tử, mạng xã hội được chú trọng.

Các tỉnh thành phố trên toàn quốc đã có nhiều hình thức, mô hình phổ biến, giáo dục pháp luật phòng chống covid hiệu quả như tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật dưới nhiều hình thức đa dạng, phong phú. Điển hình là cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu pháp luật trong phòng, chống dịch COVID-19”, xe mô hình được trang trí panô, áp phích và gắn hệ thống loa phát thanh tuyên truyền về phòng, chống dịch COVID-19, tỏa đi các khu vực, địa bàn, tuyên truyền qua các phương tiện thông tin đại chúng, các diễn đàn, trang thông tin, facebook, zalo, qua phát hành tài liệu, tờ rơi, tờ gấp, băng rôn, áp phích; đồng thời tuyên truyền qua các hoạt động tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý, Tủ sách pháp luật, hoạt động hòa giải cơ sở, kết hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật với công tác giáo dục chính trị, tư tưởng... Những nội dung và cách thức đưa pháp luật tới NLĐ trong bối cảnh covid đã góp phần nâng cao hiểu biết, ý thức, thói quen tuân thủ pháp luật, hạn chế rủi ro, vướng mắc pháp lý, giúp NLĐ biết sử dụng pháp luật để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình và tôn trọng quyền, lợi ích hợp pháp của người khác.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được vẫn còn một số tồn tại, hạn chế cần khắc phục để nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác PBGDPL cho người lao động và người sử dụng lao động trong thời gian tới:

- Nhận thức, ý thức trách nhiệm về công tác PBGDPL ở một số cơ quan, một số thời điểm chưa đầy đủ, chưa tương xứng với vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác này. Một số địa phương chưa chủ động, còn lúng túng trong công tác tham mưu cho cấp uỷ, chính quyền địa phương về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong bối cảnh covid; sự phối hợp giữa các đơn vị có lúc, có nơi chưa chặt chẽ. Việc phổ biến pháp luật trong bối cảnh dịch bệnh đôi khi còn mang tính hình thức, phong trào, đơn điệu, thiếu trọng tâm, trọng điểm và đi vào những nội dung, vấn đề thiết yếu, sát thực tiễn cơ sở mà người lao động, người sử dụng lao động cần và quan tâm.

- Hình thức tuyên truyền đã được thay đổi, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội tuy nhiên hình thức truyền thống vẫn được duy trì phổ biến. Tại các doanh nghiệp, phần lớn các hoạt động tuyên truyền của công đoàn cho người lao động vẫn chủ yếu là qua phát thanh, bảng thông tin nội bộ hoặc tổ chức tuyên truyền trong thời gian giãn ca làm việc, chưa thu hút được sự quan tâm của đa số người lao động. Trong thời gian giãn cách, các hình thức PBGDPL chưa có nhiều sáng tạo, đã có ứng dụng CNTT, PBGDPL trên mạng xã hội tuy nhiên chưa nhiều và chưa lựa chọn được sát hợp nội dung pháp luật NLĐ cần quan tâm.

- Từ phía người lao động và người sử dụng lao động tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa: Do đặc điểm sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp khác nhau nên khó thống nhất về mặt thời gian. Một số chủ sử dụng lao động chưa nhận thức đầy đủ tầm quan trọng và ý nghĩa của công tác tuyên truyền pháp luật cho người lao động, do đó chưa thật sự quan tâm đến việc tuyên truyền phổ biến pháp luật cho người lao động, chưa thực sự hưởng ứng việc người lao động tham gia tập huấn tuyên truyền phổ biến pháp luật. Đa số người lao động có đời sống kinh tế khó khăn, thời gian làm việc căng thẳng, theo ca kíp nên chưa dành nhiều thời gian hoặc chưa thực sự quan tâm tới việc học tập, tìm hiểu, nâng cao kiến thức pháp luật.

- Cán bộ nòng cốt làm công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, báo cáo viên pháp luật tại các bộ, ngành, cơ quan, địa phương còn thiếu về số lượng. Hầu hết cán bộ làm công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật là kiêm nhiệm chưa giành nhiều thời gian cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

- NLĐ vẫn còn thiếu hiểu biết pháp luật đến từ nhiều nguyên nhân khác nhau, từ việc NLĐ đa số sống trong hoàn cảnh kinh tế khó khăn, họ thường bị cuộc sống hàng ngày cuốn đi khiến họ chưa quan tâm đến việc tìm hiểu pháp luật. Bên cạnh đó là nhà nước, chính quyền, các chủ thể GDPL đã chưa thực sự mang pháp luật tới cho họ, để lại những khoảng trống về kiến thức, nhận thức pháp luật của NLĐ. Từ đó, đã ảnh hưởng rất lớn tới cuộc sống của NLĐ, tới việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của

bản thân NLĐ.

III. Các giải pháp tăng cường công tác PBGDPL cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong bối cảnh hiện nay

Đề người lao động trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong bối cảnh covid gặp nhiều khó khăn được nâng cao khả năng tiếp cận với pháp luật nhằm giúp họ tháo gỡ khó khăn về pháp lý, biết, hiểu và sử dụng pháp luật để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, cần tập trung vào một số giải pháp sau:

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò và định hướng hoạt động công tác PBGDPL cho người lao động và người sử dụng lao động tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Các cấp ủy Đảng, chính quyền cần tiếp tục nghiên cứu, quán triệt, thực hiện nghiêm túc các chỉ thị, nghị quyết của Đảng về công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, đặc biệt là Kết luận số 80-KL/TW ngày 20/6/2020 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW, Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012,... Trên cơ sở đó, tăng cường nhận thức cho các cán bộ, đảng viên và quần chúng nhận thức đúng vị trí, vai trò của công tác PBGDPL cho người lao động và người sử dụng lao động nhằm hình thành ý thức, văn hóa pháp luật cho người lao động và người sử dụng lao động.

2. Xác định nội dung trọng tâm, lựa chọn hình thức PBGDPL phù hợp với từng đối tượng và địa bàn cụ thể. Lựa chọn các nội dung phù hợp với người lao động, người sử dụng lao động cần tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật gắn với quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động, người sử dụng lao động khi tham gia lao động, pháp luật về việc làm, an toàn vệ sinh lao động, chế độ tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, pháp luật công đoàn và các quy định khác của pháp luật về lao động... Trên cơ sở đó lựa chọn các hình thức phù hợp mang lại hiệu quả, đặc biệt, chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác PBGDPL theo hướng gia tăng sự tương tác, trao đổi, chia sẻ thông tin đa chiều giữa cơ quan nhà nước với người dân, doanh nghiệp, sử dụng mạng xã hội (youtube, facebook, fanpage), sử dụng trí tuệ nhân tạo trong hỏi đáp pháp luật. Bên cạnh đó, thực hiện số hóa các tài liệu tuyên truyền, phổ biến pháp luật trên trang thông tin điện tử, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu hỏi - đáp pháp luật về các lĩnh vực người dân và doanh nghiệp quan tâm.

3. Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật. Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật theo hướng chuyên sâu, chuyên nghiệp trong đó có tập trung xây

dựng, bồi dưỡng, tập huấn, trang bị kiến thức cho đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật chuyên biệt về các lĩnh vực pháp luật về lao động, an sinh xã hội, việc làm...

4. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, bộ ngành liên quan và địa phương nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp nâng cao chất lượng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Theo đó xác định nhiệm vụ PBGDPL hiện nay không chỉ là trách nhiệm của các cấp, các ngành mà còn là trách nhiệm của các doanh nghiệp, của người sử dụng lao động và người lao động, cán bộ công đoàn...

5. Phát huy vai trò của công đoàn trong công tác PBGDPL cho người lao động và người sử dụng lao động trong doanh nghiệp. Các cấp chính quyền, lãnh đạo đơn vị tạo điều kiện, phối hợp với công đoàn để xây dựng các Tổ tuyên truyền pháp luật nhằm chủ động tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong công nhân viên chức lao động tại địa phương, đơn vị. Đặc biệt đối với các đơn vị ngoài quốc doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các công đoàn cơ sở cần chủ động trao đổi với người sử dụng lao động tổ chức định kỳ bồi dưỡng kiến thức pháp luật và kinh nghiệm tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho đội ngũ cán bộ Công đoàn, chủ doanh nghiệp, làm rõ lợi ích của việc tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật cho công nhân lao động để có sự hỗ trợ và phối hợp thực hiện.

6. Gắn hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật với tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách pháp luật lao động và pháp luật có liên quan trong doanh nghiệp. Thông qua công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát kịp thời phát hiện và kiến nghị xử lý nghiêm các vi phạm liên quan đến thực hiện chế độ, chính sách pháp luật đối với người lao động như các hành vi trốn đóng, nợ đóng, gian lận, trục lợi tiền bảo hiểm xã hội, các vi phạm về điều kiện lao động,... bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động. Đồng thời, đánh giá được thực trạng nhận thức, hiểu biết pháp luật của người lao động và người sử dụng lao động để có kế hoạch, phương pháp tuyên truyền, phổ biến pháp luật phù hợp, hiệu quả./.